

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

1. Thông tin chung

- [1] Tên chương trình: Cử nhân Thiết kế Công nghiệp
- [2] Trình độ đào tạo: Đại học
- [3] Ngành đào tạo: **THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP**
Chuyên ngành đào tạo: Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Sản phẩm
Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Thời trang
Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Đồ họa
Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Nội thất
- [4] Mã ngành đào tạo: [52210402]
- [5] Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
- [6] Tên Khoa: Khoa Design
- [7] Trường cấp bằng: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
- [8] Cơ sở tổ chức giảng dạy: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

2. Mục tiêu đào tạo

- [1] Mục tiêu chung:
- + Mục tiêu và nhiệm vụ của Khoa Design, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực thiết kế, đáp ứng các nhu cầu mới của thị trường và môi trường thiết kế công nghiệp hiện đại của Việt Nam, đặc biệt là khu vực phía Nam.
 - + Hệ đại học và cao đẳng chính quy ngành Design đào tạo ra những nhà thiết kế đa năng, chuyên nghiệp và sáng tạo, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe và đáp ứng được yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước.
- [2] Chuẩn đầu ra:
- + Kiến thức:
 - CĐR_A.01: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, khả năng học tập ở trình độ cao hơn.
 - CĐR_A.02: Có trình độ tin học tương đương trình độ B; có khả năng thiết kế, có khả năng sử dụng tốt các phần mềm chuyên về thiết kế:
 - Chuyên ngành Đồ họa: Adobe Photoshop, Illustrator, Corel Draw
 - Chuyên ngành Nội thất: Auto CAD, 3DS Max, Adobe Photoshop, Sketch up
 - Chuyên ngành Tạo dáng: Auto CAD, 3DS Max, Rhino
 - Chuyên ngành Thời trang: Adobe Photoshop, Illustrator, In Design
 - CĐR_A.03: Hiểu biết các kiến thức cơ bản về mỹ thuật và thẩm mỹ, nhận diện các nguyên lý thiết kế chuyên ngành được ứng dụng trong lĩnh vực thiết kế.
 - CĐR_A.04: Có kiến thức và biết phân tích về màu sắc, bố cục, cấu trúc của bản vẽ phác thảo, để phác họa được các mẫu sản phẩm, thiết kế cụ thể.

- CDR_A.05: Nhận biết về tính chất các loại vật liệu, có khả năng chọn lựa, phối hợp và xử lý các loại vật liệu để tạo mới nguyên vật liệu dùng trong thiết kế, sản xuất ra thành phẩm.
 - CDR_A.06: Nắm vững nguyên lý, kỹ thuật, phương pháp thiết kế các loại sản phẩm trung bày, triển lãm và ứng dụng.
 - CDR_A.07: Biết áp dụng các nguyên lý sáng tạo vào lĩnh vực thiết kế và biết phương pháp phát triển sản phẩm từ các ý tưởng thiết kế.
 - CDR_A.08: Nhận biết được xu hướng phát triển trong lĩnh vực thiết kế, đánh giá và chọn lọc những tiến bộ khoa học kỹ thuật để áp dụng vào thiết kế sáng tạo phù hợp với nhu cầu xã hội.
 - CDR_A.09: Biết tổ chức sản xuất và phát triển dịch vụ liên quan đến lĩnh vực thiết kế.
 - CDR_A.10: Nhận thức và hiểu được mối tương quan giữa các bước trong quy trình thiết kế, các giải pháp kỹ thuật trong quá trình thiết kế và triển khai sản xuất sản phẩm thực tế.
- + Kỹ năng:
- CDR_B.01: Có phương pháp làm việc khoa học, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, làm việc hợp tác; giao tiếp hiệu quả trong nhóm làm việc.
 - CDR_B.02: Có khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ; có khả năng đọc hiểu các tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành.
 - CDR_B.03: Biết phân tích và giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc.
- + Thái độ:
- CDR_C.01: Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; tự tin và tôn trọng tập thể.
 - CDR_C.02: Có ý thức cầu tiến, luôn cập nhật thông tin mới trong lĩnh vực nghề nghiệp, chủ động nghiên cứu sáng tạo và quyết đoán trong công việc.

3. Thời gian đào tạo:

- [1] Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT; hay còn gọi là thời gian đào tạo chính khóa.
- [2] Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT bao gồm: Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài. Sinh viên không hoàn thành CTĐT và đã vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường sẽ bị buộc thôi học.
- [3] Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài để sinh viên hoàn thành CTĐT được quy định theo từng bậc học. Cụ thể như sau:

Bậc học	Thời gian đào tạo chính khóa	Thời gian kéo dài
Đại học	4,0 năm (8 học kỳ chính)	2,0 năm (4 học kỳ chính)

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng tổng số tín chỉ):

- [1] Khối lượng kiến thức toàn khóa: 138 - 149 tín chỉ
- [2] Cấu tạo và tổ chức của chương trình:
 - + Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ
 - Giáo dục thể chất;
 - Giáo dục quốc phòng.
 - + Kiến thức giáo dục đại cương:
 - Kiến thức toán, khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;

- Kiến thức chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, phòng chống tham nhũng và bảo vệ môi trường.
- + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - Kiến thức cơ sở ngành (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành);
 - Kiến thức chuyên ngành;
 - Kiến thức bổ trợ;
 - Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp.
- + Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn, liệt kê các môn học mà sinh viên phải chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp.

[3] Nhóm các môn học trong chương trình:

- + Các môn học lý thuyết;
- + Các môn học lý thuyết có bài tập, thí nghiệm, thực hành;
- + Các môn học thí nghiệm, thực hành, thực tập tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành và xưởng thực tập;
- + Các môn học có đi thực tập và có làm bài tập lớn;
- + Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
- + Các môn học tự chọn và môn học bắt buộc;
- + Môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng (môn học cấp chứng chỉ).

[4] Phân bố các khối kiến thức trong chương trình đào tạo (CTĐT):

- + **Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế sản phẩm**

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ									
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt									
- Giáo dục quốc phòng	0		165		90		75		240
- Giáo dục thể chất	0		120		0		120		60
⇒ Tổng	0		285		90		195		300
Môn học trong chương trình đào tạo									
Kiến thức Giáo dục đại cương									
- Khoa học tự nhiên	4	02.68	75	02.10	45	60.00	30	40.00	105
- Khoa học xã hội	25	16.78	450	12.61	270	60.00	180	40.00	600
⇒ Tổng	29	19.46	525	14.71	315	60.00	210	40.00	705
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp									
- Cơ sở ngành	80	53.69	1800	50.42	615	34.17	1185	65.83	1815
- Chuyên ngành	31	20.81	810	22.69	195	24.07	615	75.93	735
⇒ Tổng	111	74.50	2610	73.11	810	31.03	1800	68.97	2550
Bài thi tốt nghiệp									
- Thực tập tốt nghiệp	0	00.00	30	00.84	15	50.00	15	50.00	60
- Lý luận chính trị	2	01.34	90	02.52	0	00.00	90	100.00	30
- Đồ án, khóa luận, bài thi tốt nghiệp	7	04.70	315	08.82	0	00.00	315	100.00	105
⇒ Tổng	9	06.04	435	12.18	15	03.45	420	96.55	195
Tổng cộng	149		3570		1140	31.94	2430	68.06	3450

+ **Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế thời trang:**

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ									
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt									
- Giáo dục quốc phòng	0		165		90		75		240
- Giáo dục thể chất	0		120		0		120		60
⇒ Tổng	0		285		90		195		300
Môn học trong chương trình đào tạo									
Kiến thức Giáo dục đại cương									
- Khoa học tự nhiên	4	02.90	75	02.21	45	60.00	30	40.00	105
- Khoa học xã hội	25	18.12	450	13.27	270	60.00	180	40.00	600
⇒ Tổng	29	21.01	525	15.49	315	60.00	210	40.00	705
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp									
- Cơ sở ngành	73	52.90	1680	49.56	540	32.14	1140	67.86	1710
- Chuyên ngành	27	19.57	750	22.12	180	24.00	570	76.00	630
⇒ Tổng	100	72.46	2430	71.68	720	29.63	1710	70.37	2340
Bài thi tốt nghiệp									
- Thực tập tốt nghiệp	0	00.00	30	00.88	15	50.00	15	50.00	60
- Lý luận chính trị	2	01.45	90	02.65	0	00.00	90	100.00	30
- Đồ án, khóa luận, bài thi tốt nghiệp	7	05.07	315	09.29	0	00.00	315	100.00	105
⇒ Tổng	9	06.52	435	12.83	15	03.45	420	96.55	195
Tổng cộng	138		3390		1050	30.98	2340	69.02	3240

+ **Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế đồ họa:**

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ									
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt									
- Giáo dục quốc phòng	0		165		90		75		240
- Giáo dục thể chất	0		120		0		120		60
⇒ Tổng	0		285		90		195		300
Môn học trong chương trình đào tạo									
Kiến thức Giáo dục đại cương									
- Khoa học tự nhiên	4	02.90	75	02.24	45	60.00	30	40.00	105
- Khoa học xã hội	25	18.12	450	13.45	270	60.00	180	40.00	600
⇒ Tổng	29	21.01	525	15.70	315	60.00	210	40.00	705
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp									
- Cơ sở ngành	81	58.70	1830	54.71	660	36.07	1170	63.93	1860
- Chuyên ngành	19	13.77	555	16.59	135	24.32	420	75.68	435
⇒ Tổng	100	72.46	2385	71.30	795	33.33	1590	66.67	2295
Bài thi tốt nghiệp									
- Thực tập tốt nghiệp	0	00.00	30	00.90	15	50.00	15	50.00	60
- Lý luận chính trị	2	01.45	90	02.69	0	00.00	90	100.00	30
- Đồ án, khóa luận, bài thi tốt nghiệp	7	05.07	315	09.42	0	00.00	315	100.00	105
⇒ Tổng	9	06.52	435	13.00	15	03.45	420	96.55	195
Tổng cộng	138		3345		1125	33.63	2220	66.37	3195

+ **Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế nội thất:**

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ									
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt									
- Giáo dục quốc phòng	0		165		90		75		240
- Giáo dục thể chất	0		120		0		120		60
⇒ Tổng	0		285		90		195		300
Môn học trong chương trình đào tạo									
Kiến thức Giáo dục đại cương									
- Khoa học tự nhiên	4	02.82	75	02.22	45	60.00	30	40.00	105
- Khoa học xã hội	25	17.61	450	13.33	270	60.00	180	40.00	600
⇒ Tổng	29	20.42	525	15.56	315	60.00	210	40.00	705
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp									
- Cơ sở ngành	78	54.93	1755	52.00	630	35.90	1125	64.10	1755
- Chuyên ngành	26	18.31	660	19.56	210	31.82	450	68.18	630
⇒ Tổng	104	73.24	2415	71.56	840	34.78	1575	65.22	2385
Bài thi tốt nghiệp									
- Thực tập tốt nghiệp	0	00.00	30	00.89	15	50.00	15	50.00	60
- Lý luận chính trị	2	01.41	90	02.67	0	00.00	90	100.00	30
- Đồ án, khóa luận, bài thi tốt nghiệp	7	04.93	315	09.33	0	00.00	315	100.00	105
⇒ Tổng	9	06.34	435	12.89	15	03.45	420	96.55	195
Tổng cộng	142		3375		1170	34.67	2205	65.33	3285

5. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) và qua kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- [1] Quy trình đào tạo được thiết kế theo đào tạo tín chỉ, lấy môn học với các học phần làm cơ sở tích lũy kiến thức và tích lũy đủ số tín chỉ của ngành. Sinh viên tự đăng ký môn học và thời khóa biểu theo sự tư vấn của cố vấn học tập.
- [2] Các môn học được bố trí theo học kỳ, năm học và khóa học. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, gồm 15 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập (bao gồm cả kiểm tra giữa kỳ); 02 - 03 tuần dành cho việc thi, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Ngoài học kỳ chính, còn có thể tổ chức học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè). Học kỳ hè có 02 - 03 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập, 01 tuần cho việc đánh giá tập trung.
- [3] Quy định khi đăng ký môn học và số tín chỉ đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Điều 8, Chương 2 Quy trình đào tạo, Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ, ban hành kèm theo quyết định số 115 - 09/QĐ - DSG - ĐT, ngày 18/03/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
 - + Học kỳ chính: Số tín chỉ đăng ký ≥ 14 tín chỉ và ≤ 20 tín chỉ (± 4 tín chỉ)
 - + Học kỳ phụ: Số tín chỉ đăng ký ≤ 06 tín chỉ
 - + Học kỳ chính được bố trí làm bài thi tốt nghiệp cuối khóa: Số tín chỉ đăng ký ≤ 15 tín chỉ (ngoài bài thi tốt nghiệp, số tín chỉ đăng ký cho các môn học khác ≤ 06 tín chỉ).
- [4] Một giờ tín chỉ được tính bằng 45 phút học tập; sau đây gọi chung là TIẾT.
 - + Tín chỉ được quy định bằng:
 - 15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

- 30 giờ thực tập/ thực hành/ thí nghiệm/ thảo luận + 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 45 giờ thực tập tại cơ sở/ thực tập tốt nghiệp;
 - 45 giờ làm tiểu luận/bài tập lớn/ đồ án;
 - 45 giờ làm đồ án tốt nghiệp/ khóa luận tốt nghiệp/ luận văn tốt nghiệp/ luận án tốt nghiệp/ bài thi tốt nghiệp.
- + Số tín chỉ của mỗi môn học phải là một số nguyên.

[5] Điều kiện tốt nghiệp:

- + Sinh viên đạt yêu cầu theo Điều 27, Chương 6 Xét và công nhận tốt nghiệp cuối khóa, Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ, ban hành kèm theo quyết định số 115 - 09/QĐ - DSG - ĐT, ngày 18/03/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

7. Thang điểm đánh giá:

[1] Yêu cầu chung của môn học theo quy chế:

- + Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân;
- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học;
- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học;
- + Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo quy định.

[2] Để hoàn tất môn học, sinh viên phải “đạt”:

- + Điểm tổng kết môn học $\geq 5,0$ (năm) điểm theo thang điểm 10,0 (mười);
- + Thực hiện đầy đủ các yêu cầu đánh giá môn học theo trọng số (%) của các điểm thành phần như sau:
 - Điểm quá trình: ----- chiếm (a) %
 - Điểm kiểm tra giữa kỳ: ----- chiếm (b) %
 - Điểm thi cuối kỳ: ----- chiếm (c) %
 - Điểm tổng kết môn học: ----- (a) + (b) + (c) = 100%
 - Trong đó: (a) + (b) $\leq 50\%$ và (c) $\geq 50\%$
- + Xếp loại đánh giá của môn học: Theo thang điểm 10,0.

Xếp loại	Thang điểm 10,0 điểm	Đáp ứng chuẩn đầu ra môn học
Đạt yêu cầu tích lũy		<i>Đạt CDR môn học theo cấp độ</i>
- Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	
- Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0	
- Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0	
- Trung bình khá	Từ 6,0 đến cận 7,0	
- Trung bình	Từ 5,0 đến cận 6,0	
Không đạt yêu cầu tích lũy		<i>Chưa đạt CDR môn học, phải học lại</i>
- Yếu	Từ 3,0 đến cận 4,0	
- Kém	Từ 0,0 đến cận 3,0	

8. Nội dung chương trình:

Quy ước ký hiệu – Xem chi tiết trong phụ lục 1

[1] Ngành Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế sản phẩm

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chí	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
			Kiến thức Giáo dục chuyên biệt									
1	HK1	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
2	HK1	GS99002	Giáo dục thể chất 2	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
3	HK3	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
4	HK3	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
5	HK4	MI03002	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	[0]	BB	0	165	90	15	60	0	0
			Kiến thức Giáo dục đại cương			29	525	315	30	180	0	0
6	HK1	AA19003	Tin học đại cương và TH	[1]	BB	4	75	45	0	30	0	0
7	HK6	GS09010	Môn tự chọn 1_KHXHNV	[2]	TC	2	30	30	0	0	0	0
8	HK7	GS09020	Môn tự chọn 2_KHXHNV	[2]	TC	3	45	30	15	0	0	0
9	HK1	GS19001	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
10	HK2	GS19002	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
11	HK3	GS19003	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
12	HK4	GS19004	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
13	HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3	45	30	15	0	0	0
14	HK1	GS79001	Những nguyên lý CB CN Mác - Lênin	[2]	BB	4	75	45	0	30	0	0
15	HK2	GS79002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2	30	30	0	0	0	0
16	HK3	GS79003	Đường lối CM của Đảng CS VN	[2]	BB	3	45	45	0	0	0	0
			Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp			111	2610	810	180	810	810	0
17	HK1	DE09001	Design đại cương	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
18	HK1	DE09002	Hình họa 1	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
19	HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và VN	[3]	BB	3	45	45	0	0	0	0
20	HK1	DE09004	Nguyên lý thị giác	[3]	BB	4	60	30	30	0	0	0
21	HK2	DE09005	Ergonomics	[3]	BB	2	45	15	0	30	0	0
22	HK2	DE09006	Hình họa 2	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
23	HK2	DE09007	Vẽ kỹ thuật	[3]	BB	3	60	30	0	30	0	0
24	HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	[3]	BB	1	45	0	0	0	45	0
25	HK3	DE09009	Hình họa chuyên ngành 1_TKSP	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
26	HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	[3]	BB	2	45	15	0	30	0	0
27	HK4	DE09014	Hình họa chuyên ngành 2_TKSP	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
28	HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
29	HK5	DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	[3]	BB	3	45	45	0	0	0	0
30	HK5	DE09020	Ảnh studio	[3]	BB	2	60	0	0	60	0	0
31	HK6	DE09021	Lịch sử Design	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
32	HK6	DE09022	Mỹ học đại cương	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
33	HK8	DE09023	Luật bản quyền	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
34	HK6	DE13020	Chuyên đề 1_TK Sản phẩm	[3]	TC	2	45	15	0	30	0	0
35	HK6	DE13021	Nghệ thuật sắp đặt, trưng bày sản phẩm	[3]	BB	2	45	15	0	30	0	0
36	HK6	DE13022	Nghệ thuật thủ công truyền thống VN	[3]	BB	2	45	15	0	30	0	0
37	HK7	DE13023	Chuyên đề 2_TK Sản phẩm	[3]	TC	2	45	15	0	30	0	0
38	HK2	DE19001	Kỹ thuật mô hình sản phẩm	[3]	BB	3	75	15	0	60	0	0
39	HK2	DE19002	Kỹ thuật thể hiện ĐA tạo dáng 1	[3]	BB	3	75	15	0	60	0	0
40	HK2	DE19003	Mô tuýp và màu sắc trong TKSP	[3]	BB	3	75	15	0	60	0	0
41	HK3	DE19004	Hình khối và chất liệu tạo bề mặt	[3]	BB	3	75	15	15	0	45	0
42	HK3	DE19005	Kỹ thuật thể hiện ĐA tạo dáng 2	[3]	BB	4	90	30	0	60	0	0

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chi	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
43	HK3	DE19006	Văn hóa và phong cách trong TKSP	[3]	BB	3	75	15	0	60	0	0
44	HK4	DE19010	Vật liệu trong Thiết kế sản phẩm	[3]	BB	2	45	15	0	30	0	0
45	HK4	DE19011	Thực tập chuyên ngành	[3]	BB	2	90	0	0	0	90	0
46	HK5	DE19015	Kỹ thuật khuôn mẫu trong TK chi tiết SP	[3]	BB	3	45	15	30	0	0	0
47	HK5	DE19016	Tư duy thiết kế	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
48	HK6	DE13024	Mô hình nhân vật	[4]	BB	2	45	0	15	30	0	0
49	HK6	DE13025	ĐA liên ngành tự chọn	[4]	TC	2	60	15	0	0	45	0
50	HK6	DE13026	ĐA Thiết kế Furniture	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
51	HK7	DE13027	ĐA tự chọn_TK Sản phẩm	[4]	TC	2	60	15	0	0	45	0
52	HK7	DE13028	TH TK sản phẩm thủ công truyền thống	[4]	BB	2	45	15	0	30	0	0
53	HK7	DE13029	ĐA tổng hợp_TK Sản phẩm	[4]	BB	3	75	15	15	0	45	0
54	HK3	DE19007	Chế tác nữ trang	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
55	HK3	DE19008	Nguyên lý thiết kế trong TKSP	[4]	BB	2	30	15	15	0	0	0
56	HK3	DE19009	Trang trí sản phẩm	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
57	HK4	DE19012	Phương pháp tìm ý trong TKSP	[4]	BB	2	30	15	15	0	0	0
58	HK4	DE19013	Thiết kế công cụ cầm tay	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
59	HK4	DE19014	Thiết kế đồ gia dụng	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
60	HK5	DE19017	Thiết kế đồ chơi	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
61	HK5	DE19018	TH thiết bị	[4]	BB	2	45	0	15	30	0	0
62	HK5	DE19019	TH Thiết kế sản phẩm Gốm Sứ	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
			Nhóm môn tốt nghiệp			9	435	15	15	0	90	315
63	HK8	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	[5]	TN	0	30	15	15	0	0	0
64	HK8	DE13153	ĐA/Khóa luận tốt nghiệp	[5]	TN	7	315	0	0	0	0	315
65	HK8	DE19151	Thực tập tốt nghiệp	[5]	TN	2	90	0	0	0	90	0
			Nhóm môn học tự chọn									
1	HK6	DE09024	Nghệ thuật trang trí công cộng	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0
2	HK7	DE09032	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày SP	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0
3	HK7	AA39001	Khởi nghiệp	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0
4	HK7	DE13030	ĐA Thiết kế giày dép	[6]	TC	2	60	15	0	0	45	0
5	HK7	DE13031	ĐA Thiết kế phương tiện giao thông	[6]	TC	2	60	15	0	0	45	0
6	HK7	DE13032	ĐA Phụ trang	[6]	TC	2	60	15	0	0	45	0
7	HK6	GS09011	Tiếng Việt thực hành	[6]	TC	2	30	30	0	0	0	0
8	HK6	GS09012	Kỹ năng giao tiếp	[6]	TC	2	30	30	0	0	0	0
9	HK6	GS09013	Phương pháp luận sáng tạo	[6]	TC	2	30	30	0	0	0	0
10	HK7	GS09021	Tiếng Anh chuyên ngành	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0
11	HK7	GS09022	Lịch sử thiết kế sản phẩm	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0
12	HK7	GS09023	Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0

[2] Ngành Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế thời trang

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chi	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
			Kiến thức Giáo dục chuyên biệt									
1	HK1	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
2	HK1	GS99002	Giáo dục thể chất 2	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
3	HK3	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chi	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
4	HK3	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
5	HK4	MI03002	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	[0]	BB	0	165	90	15	60	0	0
			Kiến thức Giáo dục đại cương			29	525	315	30	180	0	0
6	HK1	AA19003	Tin học đại cương và thực hành	[1]	BB	4	75	45	0	30	0	0
7	HK6	GS09010	Môn tự chọn 1_KHXHNV	[2]	TC	2	30	30	0	0	0	0
8	HK7	GS09020	Môn tự chọn 2_KHXHNV	[2]	TC	3	45	30	15	0	0	0
9	HK1	GS19001	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
10	HK2	GS19002	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
11	HK3	GS19003	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
12	HK4	GS19004	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
13	HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3	45	30	15	0	0	0
14	HK1	GS79001	Những nguyên lý CB CN Mác - Lênin	[2]	BB	4	75	45	0	30	0	0
15	HK2	GS79002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2	30	30	0	0	0	0
16	HK3	GS79003	Đường lối CM của Đảng CS VN	[2]	BB	3	45	45	0	0	0	0
			Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp			100	2430	720	210	420	1080	0
17	HK1	DE09001	Design đại cương	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
18	HK1	DE09002	Hình họa 1	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
19	HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và VN	[3]	BB	3	45	45	0	0	0	0
20	HK1	DE09004	Nguyên lý thị giác	[3]	BB	4	60	30	30	0	0	0
21	HK2	DE09005	Ergonomics	[3]	BB	2	45	15	0	30	0	0
22	HK2	DE09006	Hình họa 2	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
23	HK2	DE09007	Vẽ kỹ thuật	[3]	BB	3	60	30	0	30	0	0
24	HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	[3]	BB	1	45	0	0	0	45	0
25	HK3	DE09010	Hình họa chuyên ngành 1_TKTT	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
26	HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	[3]	BB	2	45	15	0	30	0	0
27	HK4	DE09015	Hình họa chuyên ngành 2_TKTT	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
28	HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
29	HK5	DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	[3]	BB	3	45	45	0	0	0	0
30	HK5	DE09020	Ảnh studio	[3]	BB	2	60	0	0	60	0	0
31	HK6	DE09021	Lịch sử Design	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
32	HK6	DE09022	Mỹ học đại cương	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
33	HK8	DE09023	Luật bản quyền	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
34	HK6	DE23017	Chuyên đề 1_TK Thời trang	[3]	TC	2	45	15	0	30	0	0
35	HK7	DE23020	Chuyên đề 2_TK Thời trang	[3]	TC	2	45	15	0	30	0	0
36	HK2	DE29001	Kỹ thuật thể hiện ĐA thời trang 1	[3]	BB	3	60	15	15	30	0	0
37	HK2	DE29002	Mô tuýp và màu sắc trong TKTT	[3]	BB	3	75	15	15	0	45	0
38	HK3	DE29004	Kỹ thuật mô hình thời trang 1	[3]	BB	3	75	15	15	0	45	0
39	HK3	DE29005	Kỹ thuật thể hiện ĐA thời trang 2	[3]	BB	3	75	15	15	0	45	0
40	HK3	DE29006	Nguyên lý thiết kế thời trang	[3]	BB	3	60	15	15	30	0	0
41	HK3	DE29007	Văn hóa và phong cách trong TKTT	[3]	BB	3	75	15	15	0	45	0
42	HK4	DE29009	Chất liệu và xử lý chất liệu TKTT	[3]	BB	3	75	15	15	0	45	0
43	HK4	DE29010	Kỹ thuật mô hình thời trang 2	[3]	BB	3	75	15	15	0	45	0
44	HK4	DE29011	Thực tập chuyên ngành	[3]	BB	2	90	0	0	0	90	0
45	HK6	DE23018	ĐA Thiết kế trang phục lễ hội	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
46	HK6	DE23019	ĐA Thiết kế trang phục thể thao	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
47	HK7	DE23021	ĐA tổng hợp_TK Thời trang	[4]	BB	3	75	15	15	0	45	0

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC									
				KT	TC	Tin chi	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN	
48	HK7	DE23022	ĐA tự chọn_TK Thời trang	[4]	TC	2	60	15	0	0	45	0	
49	HK7	DE23023	Lịch sử thời trang	[4]	BB	2	30	15	15	0	0	0	
50	HK2	DE29003	Kỹ thuật cắt may 1	[4]	BB	3	90	15	0	30	45	0	
51	HK3	DE29008	Kỹ thuật cắt may 2	[4]	BB	3	75	15	15	0	45	0	
52	HK4	DE29012	ĐA Thiết kế trang phục trẻ em	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0	
53	HK4	DE29013	ĐA TK trang phục dáng người đặc biệt	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0	
54	HK5	DE29014	ĐA Thiết kế trang phục công sở	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0	
55	HK5	DE29015	ĐA Thiết kế trang phục nội y	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0	
56	HK5	DE29016	Nghệ thuật trang điểm	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0	
			Nhóm môn tốt nghiệp			9	435	15	15	0	90	315	
57	HK8	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	[5]	TN	0	30	15	15	0	0	0	
58	HK8	DE23153	ĐA/Khóa luận tốt nghiệp	[5]	TN	7	315	0	0	0	0	315	
59	HK8	DE29151	Thực tập tốt nghiệp	[5]	TN	2	90	0	0	0	90	0	
			Danh sách môn học tự chọn										
1	HK6	DE09025	Phương pháp xây dựng porporlio	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0	
2	HK6	DE09026	Phương pháp tư duy sáng tạo trong TKTT	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0	
3	HK6	DE09027	Nghiên cứu thương hiệu thời trang	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0	
4	HK6	DE09028	Xây dựng quy trình thiết kế thời trang	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0	
5	HK7	DE09033	Draping nâng cao	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0	
6	HK7	DE09034	Xử lý chất liệu nâng cao	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0	
7	HK7	DE09035	Minh họa thời trang	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0	
14	HK7	DE23024	ĐA Thiết kế trang phục trình diễn ấn tượng	[6]	TC	2	60	15	0	0	45	0	
15	HK7	DE23025	Tham gia thi thiết kế thời trang	[6]	TC	2	60	15	0	0	45	0	
16	HK7	DE23026	Thiết kế phụ kiện	[6]	TC	2	60	15	0	0	45	0	
17	HK6	GS09011	Tiếng Việt thực hành	[6]	TC	2	30	30	0	0	0	0	
18	HK6	GS09012	Kỹ năng giao tiếp	[6]	TC	2	30	30	0	0	0	0	
19	HK6	GS09013	Phương pháp luận sáng tạo	[6]	TC	2	30	30	0	0	0	0	
20	HK7	GS09021	Tiếng Anh chuyên ngành	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0	
21	HK7	GS09022	Lịch sử thiết kế sản phẩm	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0	
22	HK7	GS09023	Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0	

[3] Ngành Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế đồ họa

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC									
				KT	TC	Tin chi	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN	
			Kiến thức Giáo dục chuyên biệt										
1	HK1	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0	
2	HK1	GS99002	Giáo dục thể chất 2	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0	
3	HK3	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0	
4	HK3	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0	
5	HK4	MI03002	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	[0]	BB	0	165	90	15	60	0	0	
			Kiến thức Giáo dục đại cương			29	525	315	30	180	0	0	
6	HK1	AA19003	Tin học đại cương và TH	[1]	BB	4	75	45	0	30	0	0	
7	HK6	GS09010	Môn tự chọn 1_KHXHNV	[2]	TC	2	30	30	0	0	0	0	
8	HK7	GS09020	Môn tự chọn 2_KHXHNV	[2]	TC	3	45	30	15	0	0	0	
9	HK1	GS19001	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0	

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chi	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
10	HK2	GS19002	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
11	HK3	GS19003	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
12	HK4	GS19004	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
13	HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3	45	30	15	0	0	0
14	HK1	GS79001	Những nguyên lý CB CN Mác - Lênin	[2]	BB	4	75	45	0	30	0	0
15	HK2	GS79002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2	30	30	0	0	0	0
16	HK3	GS79003	Đường lối CM của Đảng CS VN	[2]	BB	3	45	45	0	0	0	0
			Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp			100	2385	795	90	690	810	0
17	HK1	DE09001	Design đại cương	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
18	HK1	DE09002	Hình họa 1	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
19	HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và VN	[3]	BB	3	45	45	0	0	0	0
20	HK1	DE09004	Nguyên lý thị giác	[3]	BB	4	60	30	30	0	0	0
21	HK2	DE09005	Ergonomics	[3]	BB	2	45	15	0	30	0	0
22	HK2	DE09006	Hình họa 2	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
23	HK2	DE09007	Vẽ kỹ thuật	[3]	BB	3	60	30	0	30	0	0
24	HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	[3]	BB	1	45	0	0	0	45	0
25	HK3	DE09011	Hình họa chuyên ngành 1_TK Đồ họa	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
26	HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	[3]	BB	2	45	15	0	30	0	0
27	HK4	DE09016	Hình họa chuyên ngành 2_TK Đồ họa	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
28	HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
29	HK5	DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	[3]	BB	3	45	45	0	0	0	0
30	HK5	DE09020	Ảnh studio	[3]	BB	2	60	0	0	60	0	0
31	HK6	DE09021	Lịch sử Design	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
32	HK6	DE09022	Mỹ học đại cương	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
33	HK8	DE09023	Luật bản quyền	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
34	HK6	DE33018	Chuyên đề 1_TK Đồ họa	[3]	TC	2	45	15	0	30	0	0
35	HK7	DE33021	Chuyên đề 2_TK Đồ họa	[3]	TC	2	45	15	0	30	0	0
36	HK2	DE39001	Kỹ thuật mô hình đồ họa	[3]	BB	3	75	15	0	60	0	0
37	HK2	DE39002	Kỹ thuật thể hiện ĐA đồ họa 1	[3]	BB	3	75	15	0	60	0	0
38	HK2	DE39003	Mô tuýp và màu sắc trong TKĐH	[3]	BB	3	60	30	0	30	0	0
39	HK3	DE39004	Kỹ thuật thể hiện ĐA đồ họa 2	[3]	BB	3	75	15	0	60	0	0
40	HK3	DE39005	Mô hình đồ họa	[3]	BB	3	75	15	0	60	0	0
41	HK3	DE39006	Nghệ thuật chữ	[3]	BB	3	60	30	0	30	0	0
42	HK3	DE39007	Nguyên lý thiết kế đồ họa	[3]	BB	2	30	15	15	0	0	0
43	HK3	DE39008	Văn hóa và phong cách trong TKĐH	[3]	BB	3	75	15	0	60	0	0
44	HK4	DE39009	Mình họa nhân vật	[3]	BB	2	60	15	0	0	45	0
45	HK4	DE39010	Quảng cáo đại cương	[3]	BB	3	45	45	0	0	0	0
46	HK4	DE39011	Thực tập chuyên ngành	[3]	BB	2	90	0	0	0	90	0
47	HK5	DE39014	Nguyên lý thiết kế bao bì	[3]	BB	2	60	15	0	0	45	0
48	HK5	DE39015	Tư duy thiết kế	[3]	BB	2	30	15	15	0	0	0
49	HK6	DE33019	ĐA Bao bì	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
50	HK6	DE33020	ĐA Dàn trang	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
51	HK7	DE33022	ĐA tổng hợp_TK Đồ họa	[4]	BB	3	75	15	15	0	45	0
52	HK7	DE33023	ĐA tự chọn_TK Đồ họa	[4]	TC	2	60	15	0	0	45	0
53	HK7	DE33024	Kỹ thuật tranh khắc trong TKĐH	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
54	HK4	DE39012	ĐA Chữ và tin hiệu	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chi	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
55	HK4	DE39013	ĐA Đồ họa hệ thống	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
56	HK5	DE39016	ĐA Minh họa	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
57	HK5	DE39017	ĐA Quảng cáo	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
			Nhóm môn tốt nghiệp			9	435	15	15	0	90	315
58	HK8	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	[5]	TN	0	30	15	15	0	0	0
59	HK8	DE33153	ĐA/Khóa luận tốt nghiệp	[5]	TN	7	315	0	0	0	0	315
60	HK8	DE39151	Thực tập tốt nghiệp	[5]	TN	2	90	0	0	0	90	0
			Danh sách môn học tự chọn									
1	HK6	DE09029	Kỹ thuật in	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0
2	HK7	DE09036	Nghệ thuật sắp đặt	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0
3	HK7	DE33025	ĐA Tổ chức sự kiện	[6]	TC	2	60	15	0	0	45	0
4	HK7	DE33026	ĐA Thiết kế web	[6]	TC	2	60	15	0	0	45	0
5	HK7	DE33027	ĐA Quảng cáo tương tác	[6]	TC	2	60	15	0	0	45	0
6	HK6	GS09011	Tiếng Việt thực hành	[6]	TC	2	30	30	0	0	0	0
7	HK6	GS09012	Kỹ năng giao tiếp	[6]	TC	2	30	30	0	0	0	0
8	HK6	GS09013	Phương pháp luận sáng tạo	[6]	TC	2	30	30	0	0	0	0
9	HK7	GS09021	Tiếng Anh chuyên ngành	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0
10	HK7	GS09022	Lịch sử thiết kế sản phẩm	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0
11	HK7	GS09023	Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0

[4] Ngành Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế nội thất

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chi	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
			Kiến thức Giáo dục chuyên biệt									
1	HK1	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
2	HK1	GS99002	Giáo dục thể chất 2	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
3	HK3	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
4	HK3	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
5	HK4	MI03002	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	[0]	BB	0	165	90	15	60	0	0
			Kiến thức Giáo dục đại cương			29	525	315	30	180	0	0
6	HK1	AA19003	Tin học đại cương và TH	[1]	BB	4	75	45	0	30	0	0
7	HK6	GS09010	Môn tự chọn 1_KHXHNV	[2]	TC	2	30	30	0	0	0	0
8	HK7	GS09020	Môn tự chọn 2_KHXHNV	[2]	TC	3	45	30	15	0	0	0
9	HK1	GS19001	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
10	HK2	GS19002	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
11	HK3	GS19003	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
12	HK4	GS19004	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
13	HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3	45	30	15	0	0	0
14	HK1	GS79001	Những nguyên lý CB CN Mác - Lênin	[2]	BB	4	75	45	0	30	0	0
15	HK2	GS79002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2	30	30	0	0	0	0
16	HK3	GS79003	Đường lối CM của Đảng CS VN	[2]	BB	3	45	45	0	0	0	0
			Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp			104	2415	840	105	750	720	0
17	HK1	DE09001	Design đại cương	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
18	HK1	DE09002	Hình họa 1	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
19	HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và VN	[3]	BB	3	45	45	0	0	0	0

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chi	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
20	HK1	DE09004	Nguyên lý thị giác	[3]	BB	4	60	30	30	0	0	0
21	HK2	DE09005	Ergonomics	[3]	BB	2	45	15	0	30	0	0
22	HK2	DE09006	Hình họa 2	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
23	HK2	DE09007	Vẽ kỹ thuật	[3]	BB	3	60	30	0	30	0	0
24	HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	[3]	BB	1	45	0	0	0	45	0
25	HK3	DE09012	Hình họa chuyên ngành 1_TK Nội thất	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
26	HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	[3]	BB	2	45	15	0	30	0	0
27	HK4	DE09017	Hình họa chuyên ngành 2_TK Nội thất	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
28	HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
29	HK5	DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	[3]	BB	3	45	45	0	0	0	0
30	HK5	DE09020	Ảnh studio	[3]	BB	2	60	0	0	60	0	0
31	HK6	DE09021	Lịch sử Design	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
32	HK6	DE09022	Mỹ học đại cương	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
33	HK8	DE09023	Luật bản quyền	[3]	BB	2	30	30	0	0	0	0
34	HK6	DE43017	Chuyên đề 1_TK Nội thất	[3]	TC	2	45	15	0	30	0	0
35	HK6	DE43018	Kỹ thuật thể hiện ĐA nội thất 4	[3]	BB	3	75	15	0	60	0	0
36	HK7	DE43021	Chuyên đề 2_TK Nội thất	[3]	TC	2	45	15	0	30	0	0
37	HK7	DE43022	Lịch sử kiến trúc nội thất	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
38	HK2	DE49001	Kỹ thuật mô hình nội thất	[3]	BB	3	75	15	0	60	0	0
39	HK2	DE49002	Mô tuýp và màu sắc trong TKNT	[3]	BB	3	60	30	0	30	0	0
40	HK3	DE49003	Kỹ thuật thể hiện ĐA nội thất 1	[3]	BB	3	75	15	0	60	0	0
41	HK3	DE49004	Nguyên lý thiết kế nội thất	[3]	BB	3	60	30	0	30	0	0
42	HK3	DE49005	Văn hóa và phong cách trong TKNT	[3]	BB	3	60	30	0	30	0	0
43	HK4	DE49007	Kỹ thuật thể hiện ĐA nội thất 2	[3]	BB	3	90	15	0	30	45	0
44	HK4	DE49008	Nhận diện thương hiệu	[3]	BB	2	30	15	15	0	0	0
45	HK4	DE49009	Thực tập chuyên ngành	[3]	BB	2	90	0	0	0	90	0
46	HK5	DE49013	Kỹ thuật thể hiện ĐA nội thất 3	[3]	BB	3	75	15	0	60	0	0
47	HK6	DE43019	ĐA Nội thất công trình dịch vụ giải trí	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
48	HK6	DE43020	ĐA Nội thất công trình văn hóa giáo dục	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
49	HK7	DE43023	ĐA tổng hợp_TK Nội thất	[4]	BB	3	75	15	15	0	45	0
50	HK7	DE43024	ĐA tự chọn_TK Nội thất	[4]	TC	2	60	15	0	0	45	0
51	HK3	DE49006	Vật liệu nội thất	[4]	BB	3	60	30	0	30	0	0
52	HK4	DE49010	Cấu tạo nội thất	[4]	BB	3	60	30	0	30	0	0
53	HK4	DE49011	ĐA Ngoại thất sân vườn công viên	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
54	HK4	DE49012	ĐA Nội thất công trình nhà ở	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
55	HK5	DE49014	ĐA Nội thất công trình Trưng bày - Thương mại	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
56	HK5	DE49015	ĐA Nội thất công trình văn phòng	[4]	BB	2	60	15	0	0	45	0
57	HK5	DE49016	Nghệ thuật chiếu sáng	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
			Nhóm môn tốt nghiệp			9	435	15	15	0	90	315
58	HK8	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	[5]	TN	0	30	15	15	0	0	0
59	HK8	DE43153	ĐA/Khóa luận tốt nghiệp	[5]	TN	7	315	0	0	0	0	315
60	HK8	DE49151	Thực tập tốt nghiệp	[5]	TN	2	90	0	0	0	90	0
			Danh sách môn học tự chọn									
1	HK6	DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0
2	HK6	DE09031	Nội thất trang trí công cộng	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0
3	HK7	DE09037	Phong thủy	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chi	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
4	HK7	DE43025	ĐA Sản phẩm tái chế	[6]	TC	2	60	15	0	0	45	0
5	HK7	DE43026	ĐA Tổ chức sự kiện	[6]	TC	2	60	15	0	0	45	0
6	HK7	DE43027	ĐA Tạo dáng sản phẩm nội thất	[6]	TC	2	60	15	0	0	45	0
7	HK6	GS09011	Tiếng Việt thực hành	[6]	TC	2	30	30	0	0	0	0
8	HK6	GS09012	Kỹ năng giao tiếp	[6]	TC	2	30	30	0	0	0	0
9	HK6	GS09013	Phương pháp luận sáng tạo	[6]	TC	2	30	30	0	0	0	0
10	HK7	GS09021	Tiếng Anh chuyên ngành	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0
11	HK7	GS09022	Lịch sử thiết kế sản phẩm	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0
12	HK7	GS09023	Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0

9. Kế hoạch giảng dạy:

Xem chi tiết trong Phụ lục 2

10. Bảng đối sánh môn học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 3

11. Sơ đồ biểu diễn mối liên hệ - tiến trình môn học trong chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 4

Trình tự sắp xếp các môn học:

- + Việc sắp xếp các môn học trong mỗi học kỳ là nhằm hướng sinh viên theo học đúng trình tự đó. Điều này cũng nêu lên tính chất tiên quyết của các môn học.
- + Ví dụ: Một môn học X nào đó được tổ chức học tập tại học kỳ thứ (i), có nghĩa là ở các học kỳ trước đó (i - 1) đã phải tổ chức học tập một hay vài môn học nhằm chuẩn bị kiến thức cơ sở cho việc học môn X. Do đó phải tuân thủ tiến trình sắp xếp các môn học trong chương trình đào tạo. Và đôi khi, môn X có thể có tác dụng chuẩn bị để học môn Y sau đó ở học kỳ thứ (i + 1)
- + Cũng có một vài trường hợp đặc biệt, do không sắp xếp được, nên có khái niệm môn học song hành – môn học B là song hành với môn học A là môn học mà lẽ ra phải được học trước, ít ra với một số phần, so với môn A nhưng do những lý do bất khả kháng, phải bố trí cho sinh viên theo học đồng thời với môn học A.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo:

[1] Nội dung chương trình đào tạo:

- + Phần chung toàn trường:
 - Tất cả các ngành đều có một số môn học chung – đó là phần chung toàn trường, ví dụ như các môn Khoa học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán cao cấp, Vật lý, Hóa học, Ngoại ngữ, Tin học đại cương, Tiếng Anh và Pháp luật Việt Nam đại cương đây là những môn học bắt buộc đối với mọi sinh viên.
- + Phần chung của một số ngành:
 - Giữa một số ngành liên quan có thể có các môn học chung. Các môn học này có thể được tổ chức giảng dạy ngay từ đầu học kỳ thứ nhất, hoặc có môn được dạy vào cả học kỳ cuối cùng trong chương trình đào tạo.
 - Việc giảng dạy của một số môn học này có thể không thuộc Khoa quản lý ngành phụ trách, mà lại do một Khoa khác phụ trách.

- + Các môn học của ngành:
 - Các môn học của ngành được trình bày dưới dạng “tiến trình diễn biến” trong các chương trình đào tạo, tức bố trí dạy trước sau theo một thứ tự hợp lý.
- [2] Phân loại môn học – ký hiệu phân loại môn học:
 - + Môn học bắt buộc -----Ký hiệu: [BB]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.
 - + Môn học tự chọn -----Ký hiệu: [TC]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.
 - + Môn học thay thế = Môn học tương đương----- Ký hiệu: [TT/TD]
 - Môn học thuộc CTĐT của khóa – ngành đang được tổ chức giảng dạy tại Trường mà sinh viên được phép học, tích lũy để thay thế cho môn học khác trong CTĐT của ngành đào tạo. Khái niệm môn học thay thế được sử dụng khi môn học vốn có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy (hoặc trong học kỳ đang xét không tổ chức giảng dạy) và được thay thế bằng môn học khác. Môn học thay thế sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất trong quá trình triển khai CTĐT trong thực tế.
 - Trong chương trình đào tạo của các ngành có một số môn học mà việc tổ chức giảng dạy và học tập không phải do Khoa quản lý ngành phụ trách mà do một Khoa khác chịu trách nhiệm. Điều đó cũng có nghĩa là trong các chương trình đào tạo có thể có một số môn học trùng tên nhau (Ví dụ như môn Tin học chuyên ngành 1 ở các ngành khác nhau), nhưng nội dung được xây dựng có nhiều phần khác nhau, nhằm phục vụ cho những đối tượng khác (đương nhiên cũng có nhiều phần giống nhau). Việc xét tương đương môn học khi sinh viên chuyển ngành, chuyển khóa đào tạo sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất.
 - + Môn học trước, môn học song hành, môn học sau, môn học tiên quyết:
 - Việc sắp xếp các môn học trong mỗi học kỳ là nhằm hướng sinh viên theo học đúng trình tự đó. Điều này cũng nêu lên tính chất tiên quyết của các môn học.
 - Ví dụ: Một môn học X nào đó được tổ chức học tập tại học kỳ thứ (i), có nghĩa là ở các học kỳ trước đó (i – 1) đã phải tổ chức học tập một hay vài môn học nhằm chuẩn bị kiến thức cơ sở cho việc học môn X. Do đó phải tuân thủ tiến trình sắp xếp các môn học trong chương trình đào tạo. Và đôi khi, môn X có thể có tác dụng chuẩn bị để học môn Y sau đó ở học kỳ thứ (i + 1)
 - Cũng có một vài trường hợp đặc biệt, do không sắp xếp được, nên có khái niệm môn học song hành – môn học B là song hành với môn học A là môn học mà lẽ ra phải được học trước, ít ra với một số phần, so với môn A nhưng do những lý do bất khả kháng, phải bố trí cho sinh viên theo học đồng thời với môn học A.
 - o Môn học tiên quyết -----Ký hiệu: [TQ]
 - o Môn học trước -----Ký hiệu: [Tr]
 - o Môn học song hành -----Ký hiệu: [SH]
 - + Quy ước về điểm số của môn học trước hay môn học tiên quyết:
 - Sinh viên phải có điểm số của môn học trước lớn hơn 0,0 điểm (không điểm) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.
 - Sinh viên phải có điểm số của môn học tiên quyết hơn 5,0 điểm (năm điểm – điểm đạt) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.

[3] Ký hiệu liên quan đến môn học:

- + Môn học được thể hiện:

- Mã số môn học: -----[GS59001]
- Tên môn học: ----- Tin học đại cương
- Tín chỉ: ----- 2[2.0.4]
- + Có thể đọc và hiểu như sau:
 - Mã số “GS5” thể hiện Khoa/Ban chuyên môn phụ trách giảng dạy môn học.
 - o GS: Môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (General Study)
 - o GS5: Bộ môn Tin học đại cương, thuộc Khoa Công nghệ Thông tin.
 - Môn Tin học đại cương, 2 tín chỉ gồm khối lượng học tập trong 1 học kỳ như sau:
 - o 2 x 15 tiết lý thuyết/bài tập trên lớp;
 - o 0 x 30 tiết thí nghiệm/thực hành /thảo luận tại phòng thí nghiệm/xưởng thực hành/phòng chuyên đề/phòng học/phòng máy;
 - o 4 x 15 giờ tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

13. Mô tả tóm tắt môn học:

[1] Khối kiến thức Giáo dục chuyên biệt:

[MI03002] Giáo dục quốc phòng (ĐH) ----- Tín chỉ: 0[6.3.16]

[GS99001] Giáo dục thể chất 1 ----- Tín chỉ: 0[0.1.1]

- + Phần lý thuyết: Một số vấn đề về quan điểm, đường lối và chủ trương của Đảng và nhà nước về công tác thể dục thể thao (TDTT) trong giao đoạn mới, mục đích, nhiệm vụ và yêu cầu của Giáo dục thể chất (GDTC) với sinh viên, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT.
- + Phần thực hành: Nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết về kỹ năng vận động, thể lực chung của môn điền kinh (Chạy cự ly trung bình: nam: 1500m, nữ: 800m) và môn thể dục (đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục phát triển chung)

[GS99002] Giáo dục thể chất 2 ----- Tín chỉ: 0[0.1.1]

- + Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng chuyền, luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
- + Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng và đập bóng)

[GS93003] Giáo dục thể chất 3 ----- Tín chỉ: 0[0.1.1]

- + Phần lý thuyết bao gồm các nội dung về: nguồn gốc, quá trình phát triển môn bóng rổ trên thế giới và phong trào bóng rổ ở Việt Nam; Tác dụng của môn bóng rổ đối với nhân cách và thể chất người tập; Luật bóng rổ và thiết bị sân bãi, dụng cụ; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.
- + Phần thực hành: Sinh viên tập luyện để nắm bắt được các kỹ thuật cơ bản của bóng rổ; Chiến thuật cơ bản; Thực tập thi đấu và trọng tài; Tổ chức thi đấu bóng rổ phong trào.

[GS93004] Giáo dục thể chất 4 ----- Tín chỉ: 0[0.1.1]

- + Phần lý thuyết bao gồm các nội dung về: chiến thuật và đề phòng chấn thương; một số trạng thái xấu của cơ thể và sơ cứu trong TDTT.
- + Phần thực hành: Sinh viên tập luyện để nắm bắt được kỹ thuật; Chiến thuật cơ bản của bóng rổ. Chiến thuật tấn công và phòng thủ liên phòng. Thực tập thi đấu; Trọng tài và tổ chức thi đấu môn bóng rổ.

[2] Khối kiến thức Giáo dục Đại cương - Khoa học tự nhiên:

[GS59001] Tin học đại cương và thực hành ----- Tín chỉ: 4[3.7.1]

- + Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về tin học và truyền thông bao gồm các kiến thức về hệ điều hành, soạn thảo văn bản, phần mềm trình chiếu, các phần mềm xử lý đồ họa ở mức độ nhập môn. Từ đó giúp sinh viên nâng cao hiểu biết về tin học và vận dụng các kiến thức ấy vào từng môn học chuyên ngành.
- + Phần 1: Tin học đại cương
 - Cung cấp những kiến thức căn bản nhất để hiểu được về hệ điều hành, tệp và thư mục, các định dạng, công cụ tìm kiếm, ...
- + Phần 2: Các phần mềm cơ bản
 - Microsoft Word: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức sử dụng phần mềm, kỹ năng soạn thảo.
 - Microsoft Powerpoint: Cung cấp cho sinh viên kiến thức sử dụng phần mềm và kỹ năng trình bày, trình chiếu tài liệu thuyết trình cho các đề tài nghiên cứu.
- + Phần 3: Các phần mềm đồ họa cơ bản thiết yếu
 - Adobe Illustrator: Hướng dẫn cho sinh viên nắm bắt được các công cụ thiết yếu và kiến thức trực tiếp để giải quyết bài tập thực hành và đồ án bộ môn.
 - Adobe Photoshop: Hướng dẫn cho sinh viên nắm bắt được các công cụ thiết yếu trong quá trình xử lý hình ảnh, quy trình xử lý file, kết nối với các phần mềm khác nhằm tạo ra sản phẩm đủ chất lượng, đạt kết quả thực tế từng bộ môn.

[3] **Khối kiến thức Giáo dục Đại cương - Khoa học xã hội:**

- [GS19001] Tiếng Anh 1 ----- Tín chỉ: 2[1.1.2]
- + Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên vốn kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và những kiến thức cơ bản giao tiếp về một số chủ điểm thông thường. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.
- [GS19002] Tiếng Anh 2 ----- Tín chỉ: 2[1.1.2]
- + Môn học Tiếng Anh 2 nhằm củng cố các kiến thức và kỹ năng mà sinh viên đã đạt được ở Tiếng Anh 1; đồng thời cung cấp cho sinh viên vốn kiến thức mới về ngữ pháp, từ vựng và những kiến thức cơ bản về giao tiếp theo các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch, các lĩnh vực quan tâm, các sự kiện đang diễn ra. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.
- [GS19003] Tiếng Anh 3 ----- Tín chỉ: 2[1.1.2]
- + Môn học Tiếng Anh 3 nhằm rèn luyện và củng cố các kiến thức và kỹ năng mà sinh viên đã đạt được ở Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2; đồng thời cung cấp và mở rộng cho sinh viên vốn kiến thức mới về ngữ pháp, từ vựng, kiến thức giao tiếp về các tình huống xã hội hàng ngày cũng như trong công việc quen thuộc thường nhật. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.
- [GS19004] Tiếng Anh 4 ----- Tín chỉ: 2[1.1.2]
- + Môn học Tiếng Anh 4 nhằm rèn luyện và củng cố các kiến thức và kỹ năng mà sinh viên đã đạt được ở Tiếng Anh 1, 2 và 3; đồng thời giúp sinh viên mở rộng vốn kiến thức mới về ngữ pháp, từ vựng, kiến thức giao tiếp trong các tình huống cuộc sống hàng ngày và trong công việc. Với kiến thức đã học, người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình nhằm phục vụ cho công việc sau này. Bên cạnh đó, môn

học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

[GS29001] Pháp luật Việt Nam đại cương----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Cung cấp những khái niệm cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Vai trò và giá trị xã hội của Nhà nước và Pháp luật trong đời sống xã hội.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản về tổ chức Bộ máy nhà nước CHXHCNVN.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản của các ngành luật: Luật Hiến pháp; Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự; Luật Dân sự, Luật tố tụng Dân sự; Luật Lao động; Luật Hôn nhân gia đình; và khái quát các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

[GS79001] Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin----- Tín chỉ: 4[3.1.6]

- + Triết học Mác - Lênin nghiên cứu quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.
- + Kinh tế chính trị học Mác - Lênin nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- + Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

[GS79002] Tư tưởng Hồ Chí Minh ----- Tín chỉ: 2[2.0.4]

- + Cấu trúc nội dung môn học bảo đảm sự thống nhất trong việc trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- + Môn học cung cấp hệ thống kiến thức về cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Liên hệ với thực tiễn tư tưởng Hồ Chí Minh như là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam được thể hiện trong đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật Nhà nước.

[GS79003] Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam ----- Tín chỉ: 3[3.0.6]

- + Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học mang tính tích lũy tri thức từ các môn học khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và một số môn học chuyên ngành khác. Nghĩa là, ngoài việc tiếp cận theo phương pháp lịch sử cần vận dụng tri thức của các môn học gắn với đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo.
- + Nội dung chủ yếu của môn học này là làm rõ quá trình hình thành, phát triển đường lối cách mạng Việt Nam trên các lĩnh vực cơ bản, trong đó chú trọng làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và nội dung đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

[GS09010] Môn học tự chọn 1_KHXHNV----- Tín chỉ: 2[2.0.4]

- + Sinh viên chọn một trong những môn học sau:
 - [GS09011] KHXHNV_Tiếng Việt thực hành----- 2[2.0.4]
 - [GS09012] KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp----- 2[2.0.4]
 - [GS09013] KHXHNV_Phương pháp luận sáng tạo----- 2[2.0.4]

[GS09020] Môn học tự chọn 2_KHXHNV----- Tín chỉ: 3[2.1.4]

- + Sinh viên chọn một trong những môn học sau:
 - [GS09021] KHXHNV_Tiếng Anh chuyên ngành----- 3[2.1.4]
 - [GS09022] KHXHNV_Lịch sử thiết kế sản phẩm----- 3[2.1.4]
 - [GS09023] KHXHNV_Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình----- 3[2.1.4]

[4] **Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp - Cơ sở ngành**

- [DE09001] Design đại cương----- Tín chỉ: 2[2.0.4]
- + Môn học nhằm giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức, hiểu biết cơ bản về lĩnh vực design như một ngành khoa học nghệ thuật ứng dụng có nhiều đóng góp cho xã hội, các ngành kinh tế và sản xuất công nghiệp.
 - + Giúp sinh viên nắm được tổng quan về khái niệm, định nghĩa, phân hệ, chức năng và tiêu chí, các chuyên ngành design ứng dụng, những đặc điểm của design như designer, tác phẩm/sản phẩm/hàng hóa design, ngôn ngữ design, đặc điểm thẩm mỹ của design, những nguyên lý design cơ bản,... qua đó giúp cho sinh viên định hướng đúng đắn trong việc lựa chọn ngành nghề tương lai và nâng cao thể giới quan design.
- [DE09002] Hình họa 1 ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]
- + Hình họa 1 là một trong những môn học cơ sở đầu tiên trang bị những kiến thức và kỹ năng vẽ tay. Thông qua môn học này, sinh viên được luyện tập khả năng phân tích hình khối trong không gian 3 chiều với những quy luật về ánh sáng, phối cảnh, tỷ lệ, cấu trúc. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ thực hành phác họa và mô phỏng các khối, mẫu bằng chất liệu chì trên giấy. Đồng thời, sinh viên được nghiên cứu và thực hành diễn tả một số loại vật liệu thường gặp trong đời sống như gốm, sứ, kim loại, thủy tinh... Ngoài ra, sinh viên cũng được tập làm quen với môi trường thực hành tại xưởng, rèn luyện thái độ nghiêm túc, chịu khó trong học tập.
- [DE09003] Lược sử mỹ thuật Thế giới và Việt Nam----- Tín chỉ: 3[3.0.6]
- + Khái lược về các giai đoạn hình thành và phát triển của Nghệ thuật tạo hình Thế giới luôn gắn liền với lịch sử tư tưởng thẩm mỹ và lịch sử văn minh thế giới từ các nền văn minh Cổ đại (Lưỡng Hà, Ai Cập, Ăngkô, Ấn Độ, Trung Hoa, Hy Lạp, La Mã, ...) đến Mỹ thuật Phục Hưng, Cổ Điển, Hiện thực tại châu Âu cùng một số các nền mỹ thuật đặc sắc như Nhật Bản, Nga, tới các khuynh hướng, trường phái Nghệ thuật Mô đéc và Hậu Mô đéc.
 - + Khái lược về các giai đoạn phát triển của lịch sử mỹ thuật Việt Nam (kiến trúc, điêu khắc, đồ họa, ...) từ thời dựng nước (Đông Sơn), đến các thời: Lý, Trần, Hồ, Mạc, Lê, Nguyễn, Tây Sơn, ... Đặc biệt, điểm lược đề cập đến mỹ thuật tạo hình dân gian (Điêu khắc Đình làng, Tranh Dân gian, ...). Trình bày lược sử phát triển của nền mỹ thuật tạo hình Việt Nam hiện đại bắt đầu từ sự ra đời của trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (1925); Mỹ thuật Việt Nam trong suốt hai cuộc kháng chiến từ năm 1954 – 1975; Từ khi đất nước thống nhất năm 1976 đến mở đầu thời kỳ Đổi mới 1986 và tiếp tục phát triển cho tới nay.
- [DE09004] Nguyên lý thị giác----- Tín chỉ: 4[2.2.8]
- + Nguyên lý thị giác là môn khoa học cơ bản của mọi ngành nghệ thuật thị giác, được cấu thành từ các khoa học sinh học, khoa học tâm lý thị giác của con người.
 - + Nguyên lý thị giác giúp sinh viên hiểu biết về tâm lý cảm thụ thị giác và các mặc định về cảm nhận thị giác, những giới hạn nhận biết của thị giác trong trường nhìn thị giác.
 - + Giúp sinh viên có kiến thức nền tảng về nhận thức thị giác với những yếu tố gốc của design, để chuẩn bị cho sinh viên tiếp thu dễ dàng những bài học chuyên ngành nâng cao và trù tượng hơn. Chuẩn bị cho cả những kỹ năng thao tác sử lý chất liệu với tâm lý thị giác, phục vụ cho việc thể hiện sáng tạo những mô hình môn học chuyên ngành.
- [DE09005] Ergonomics----- Tín chỉ: 2[1.1.2]

- + Ergonomics là môn khoa học liên ngành, được cấu thành từ các khoa học về con người. Ergonomics giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các giới hạn tự nhiên của con người, mối quan hệ giữa con người (sức khỏe) với môi trường (sự an toàn và thuận tiện) để tạo sự phù hợp, thuận tiện trong mọi hoạt động lao động, sinh hoạt, vui chơi... của con người. Thông qua môn học, sinh viên hiểu được tầm quan trọng của nhân trắc học trong thiết kế công nghiệp, bước đầu hình thành tư duy ứng dụng số liệu và các nghiên cứu nhân trắc nhân trắc vào lĩnh vực thiết kế ứng dụng.

[DE09006] Hình họa 2----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Hình họa 2 tiếp tục trang bị những kiến thức và kỹ năng vẽ tay cơ bản, đặc biệt chú trọng đến vẽ vật thực bằng chất liệu màu nước/màu bột. Trọng tâm chủ yếu của môn học này là cung cấp kiến thức và kỹ năng sử dụng màu để diễn tả sự vật. Thông qua môn học, sinh viên tiếp tục được luyện tập khả năng phân tích hình khối trong không gian 3 chiều với những quy luật về ánh sáng, phối cảnh, tỷ lệ, cấu trúc... Đồng thời, sinh viên được nghiên cứu và thực hành diễn tả một số loại vật liệu thường gặp trong đời sống như gốm, sứ, kim loại, thủy tinh... bằng chất liệu màu nước/màu bột. Cuối môn học, sinh viên có 3 tuần để thực hành vẽ ký họa ngoài trời nhằm chuẩn bị kiến thức và kỹ năng cho kỳ thực tập mỹ thuật cơ sở.

[DE09008] Thực tập cơ sở ----- Tín chỉ: 1[0.1.1]

- + Thực tập cơ sở là môn học được tổ chức vào cuối năm thứ nhất, với mục đích giúp cho sinh viên làm quen với phương pháp lấy tư liệu thực tế. Vận dụng những kiến thức và kỹ năng có được sau hai học phần hình họa cơ bản, sinh viên sẽ được tham quan những cảnh quan đẹp, đặc trưng để ghi chép, ký họa, chụp ảnh dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên hình họa và nhiếp ảnh. Ngoài ra, thông qua quá trình làm việc và sinh hoạt tập thể, sinh viên có cơ hội rèn luyện tính kỷ luật, ý thức, trách nhiệm.

[DE09007] Vẽ kỹ thuật ----- Tín chỉ: 3[2.1.4]

- + Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các tiêu chuẩn, cách trình bày và biểu diễn vật thể trên bản vẽ kỹ thuật, cơ thể học của chữ, một số phương pháp vẽ hình học, hình chiếu trục đo, hình chiếu phối cảnh.

[DE09013] Nghệ thuật ảnh----- Tín chỉ: 2[1.1.2]

- + Nghệ thuật ảnh là môn học thiên về nghệ thuật thị giác là một trong những kỹ năng rất gần gũi với sinh viên học ngành thiết kế và mỹ thuật (Mỹ thuật tạo hình, Mỹ thuật công nghiệp, Thiết kế kiến trúc, Xây dựng, ...).
- + Nắm bắt các kiến thức căn bản của nhiếp ảnh và kỹ năng sử dụng thành thạo sử dụng máy ảnh kỹ thuật số. Đó cũng là điều kiện tiên quyết cho môn học kế tiếp là Ảnh Studio.

[DE09020] Ảnh studio----- Tín chỉ: 2[0.2.2]

- + Các kỹ thuật căn bản và ánh sáng trong việc chụp ảnh ở Studio
- + Ưu điểm và nhược điểm của việc chụp ảnh trong studio và ngoại cảnh
- + Giới thiệu và làm quen các loại thiết bị trong studio ảnh
- + Các phương thức chuẩn bị và tổ chức để chụp ảnh trong Studio

[DE09018] Cơ sở văn hóa Việt Nam ----- Tín chỉ: 2[2.0.4]

- + Học phần này giúp sinh viên nắm được một số vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam; xác định tọa độ văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hóa, các vùng văn hóa; và các thành tố văn hóa như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống vật chất xã hội, văn hóa tổ chức đời sống tinh thần tâm linh.

[DE09019] Lịch sử văn minh thế giới ----- Tín chỉ: 3[3.0.6]
+ Học phần này giúp sinh viên nắm được những đặc trưng văn hóa và thành tựu các nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Ba Tư, A rập, Ấn Độ, Trung Hoa, Văn minh Phương Tây.

[DE09021] Lịch sử Design ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]
+ Lịch sử Design là môn học cơ sở của ngành thiết kế/design. Lịch sử Design (A History of Design) là một khoa học nghiên cứu về sự ra đời và phát triển của lĩnh vực nghệ thuật thiết kế cùng những yếu tố cơ bản của sự phát triển đó.
+ Lịch sử Design là môn học có mục đích nhằm giải thích nghệ thuật thiết kế như một hiện tượng xã hội và hiện tượng lịch sử. Lịch sử của Design (The History of Design) là đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Design. Đó là những cột mốc của những sự kiện, sự hình thành các hãng, các công ty, các nhà thiết kế, các sản phẩm/tác phẩm và những phong cách design đã tạo dựng nên dấu ấn lịch sử của Nghệ thuật Thiết kế.

[DE09022] Mỹ học đại cương ----- Tín chỉ: 2[2.0.4]
+ Học thuyết mỹ học đã nảy sinh từ rất sớm trong lịch sử tư tưởng của nhân loại. Mỹ học là một ngành khoa học độc lập. Một trong những yếu tố quan trọng giúp mỹ học tách dần ra khỏi triết học là việc xác lập được đối tượng đặc thù của ngành khoa học này. Các học thuyết mỹ học trong quá khứ thường tập trung sự tìm tòi vào hai lĩnh vực chính: cái đẹp và nghệ thuật. Để nói một cách ngắn gọn, ta có thể coi toàn bộ đời sống thẩm mỹ và nghệ thuật là đối tượng nghiên cứu của mỹ học. Ở đây cần tránh nhầm lẫn hai khái niệm thẩm mỹ và mỹ học, thẩm mỹ hoàn toàn không phải là mỹ học. Thẩm mỹ là đối tượng, Mỹ học là khoa học nghiên cứu đối tượng ấy.

[DE09023] Luật bản quyền----- Tín chỉ: 2[2.0.4]
+ Luật SHTT bảo vệ các quyền tài sản và nhân thân của các cá nhân, tổ chức liên quan đến tài sản trí tuệ - loại tài sản đặc biệt phát sinh từ hoạt động sáng tạo trong các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, khoa học, sản xuất, kinh doanh. Bảo hộ quyền SHTT đã được chứng minh là công cụ đắc lực cho phát triển kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế tri thức mà Việt Nam đang hướng đến. Việc công nhận và bảo vệ quyền SHTT nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo văn hoá, nghệ thuật, kĩ thuật, đổi mới khoa học, công nghệ, bảo đảm việc phân chia và sử dụng hiệu quả tài sản trí tuệ, hài hoà lợi ích giữa chủ thể sáng tạo, đầu tư và các chủ thể khác trong xã hội.
+ Đào tạo về SHTT trong các trường đại học, đặc biệt là khối các trường đào tạo chuyên ngành luật và các chuyên ngành có liên quan đến sáng tạo nghệ thuật đã trở thành xu hướng tất yếu hiện nay trên thế giới. Môn học luật SHTT nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận nền tảng về việc bảo hộ quyền SHTT đồng thời tạo cơ sở cho sinh viên hình thành và phát triển các kĩ năng áp dụng pháp luật SHTT để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Chuyên ngành Thiết kế sản phẩm

[DE19001] Kỹ thuật mô hình sản phẩm----- Tín chỉ: 3[1.2.4]
+ Mô tả môn học:
- Kỹ thuật mô hình sản phẩm là môn học nhằm cung cấp kiến thức và phương pháp chế tạo mô hình sản phẩm với những chất liệu khác nhau như đất sét, thạch cao, gỗ, giấy, plastic, ... Trên cơ sở đó, có khả năng giả định những loại vật liệu khác nhau để phục vụ cho những mô hình thiết kế của mình.
- Môn học cũng giúp cho sinh viên tiếp cận, làm quen với một số trang thiết bị, máy móc hỗ trợ cho quá trình thể hiện mô hình sản phẩm của mình.

- + Mục tiêu môn học:
 - Sinh viên nắm được thuộc tính và kỹ thuật thi công của các loại chất liệu khác nhau.
 - Sinh viên biết sử dụng thành thạo các loại máy móc mà nhà xưởng cung cấp.
 - Sinh viên rèn luyện kỹ năng thực hiện mô hình và phát triển tư duy thiết kế thông qua việc thao tác, biến đổi khối trong quá trình thực hiện mô hình sản phẩm.

[DE19002] Kỹ thuật thể hiện đồ án tạo dáng 1----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Mô tả môn học:
 - Môn học Kỹ thuật thể hiện đồ án 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức tin học chuyên ngành (thông qua công cụ máy vi tính) hỗ trợ cho việc thể hiện và trình bày ý tưởng thiết kế về một sản phẩm tạo dáng cơ bản, đi từ hình thức phác thảo – sketch đến việc đưa ra bản vẽ kỹ thuật chi tiết, chính xác để có thể thi công sản phẩm trong thực tế.

- + Mục tiêu môn học:
 - Sinh viên nắm được quy cách của một hồ sơ thiết kế sản phẩm hoàn chỉnh.
 - Sinh viên có khả năng sử dụng các phần mềm Photoshop và Autocad là công cụ hỗ trợ trình diễn ý tưởng thiết kế trên máy tính, cụ thể:
 - o Sinh viên có khả năng sử dụng phần mềm Photoshop để thể hiện và trình diễn ý tưởng thiết kế của mình trên mặt phẳng hai chiều với nhiều cấp độ từ sơ phác đến hoàn chỉnh, và có thể quảng bá giới thiệu sản phẩm thiết kế dưới hình thức poster, áp phích quảng cáo, ...
 - o Sinh viên có khả năng sử dụng phần mềm Autocad để đưa ra bản vẽ kỹ thuật chi tiết, chính xác – là tài liệu khoa học xác thực để thi công, chế tác sản phẩm thiết kế trong thực tế.

[DE19003] Mô tuýp và màu sắc trong thiết kế sản phẩm----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Mô tả môn học:
 - Mô tuýp và màu sắc trong thiết kế sản phẩm là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng về màu sắc và xây dựng đường nét trong thiết kế từ cơ bản đến nâng cao. Từ học phần này, người học ý thức được tỉ lệ, màu sắc, điểm, nét, mảng trong sáng tạo. Thông qua môn học, sinh viên ý thức được vai trò của người làm thiết kế, tự học, tự nghiên cứu để bổ sung kiến thức chuyên ngành, thường xuyên cập nhật xu hướng thiết kế mới trên thế giới, xu hướng sử dụng màu, phong cách thiết kế.

- + Mục tiêu môn học:
 - Sinh viên được hoàn thiện kỹ năng vẽ và dùng các chất liệu màu khác nhau (chì màu, sáp, màu nước, màu bột, ...).
 - Sinh viên vận dụng màu sắc hợp lý hơn thông qua việc hiểu biết ý nghĩa và thông điệp của màu.
 - Sinh viên sử dụng màu sắc một cách chủ động và có mục đích vào một số trường hợp ứng dụng do hệ thống bài tập đặt ra.

[DE09009] Hình họa chuyên ngành 1_TK Sản phẩm----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Nội dung của môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về hình họa, ký họa theo phong cách diễn họa sản phẩm tạo dáng. Học phần thiết lập kỹ năng quan sát và phân tích hình khối cấu tạo đối tượng; kỹ năng diễn họa nét, diễn họa màu, ký họa bằng các chất liệu thường được dùng trong thiết kế như bút chì, bút sắt, màu nước, chì màu, marker... Đối tượng tập trung nghiên cứu và thể hiện là các sản phẩm thiết kế tạo dáng

có kích thước nhỏ cấu tạo đơn giản đến kích thước lớn cấu tạo phức tạp, các sản phẩm lao động cầm tay và điện tử.

[DE19004] Hình khối và chất liệu tạo bề mặt ----- Tín chỉ: 3[1.2.5]

+ Mô tả môn học:

- Hình khối và chất liệu tạo bề mặt trong thiết kế sản phẩm là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng về chất liệu và xây dựng hình khối trong thiết kế bề mặt sản phẩm nâng cao. Từ học phần này, người học ý thức được tỉ lệ, màu sắc, chất liệu, hình khối trong sáng tạo bề mặt của sản phẩm. Thông qua môn học, sinh viên ý thức được vai trò của người làm thiết kế, tự học, tự nghiên cứu để bổ sung kiến thức chuyên ngành, thường xuyên cập nhật xu hướng thiết kế mới trên thế giới, xu hướng sử dụng màu, khối, chất liệu trong các phong cách thiết kế.

+ Mục tiêu môn học:

- Sinh viên được hoàn thiện kỹ năng vẽ và dùng các chất liệu khác nhau (chất liệu thạch cao, giấy, nhựa, vải, da, gỗ, đá, cát, ...).
- Sinh viên vận dụng cấu trúc khối hợp lý hơn thông qua việc hiểu biết ý nghĩa và thẩm mỹ của bề mặt sản phẩm.
- Sinh viên sử dụng chất liệu, hình khối với kỹ thuật tạo hình một cách chủ động và có mục đích vào một số trường hợp ứng dụng do hệ thống bài tập đặt ra.

[DE19005] Kỹ thuật thể hiện đồ án tạo dáng 2----- Tín chỉ: 4[2.2.6]

+ Mô tả môn học: Nắm kiến thức cơ bản và nâng cao thiết kế 2D và 3D

- Phát triển ý tưởng từ PSD, sketchup và autocad.
- Dùng 3DS Max thiết kế 2D thành 3D
- Thiết lập bản vẽ và phân tích bản vẽ
- Có thể Print 3D sản phẩm và dựng mô hình thật

+ Mục tiêu môn học:

- Sinh viên nắm được quy cách của một hồ sơ thiết kế sản phẩm hoàn chỉnh.
- Sinh viên có khả năng sử dụng khá tốt 3DS Max và phân tích bản vẽ.

[DE19006] Văn hóa và phong cách trong thiết kế sản phẩm----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

+ Mô tả môn học:

- Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về những yếu tố lịch sử, văn hóa tác động đến tính thẩm mỹ trong thiết kế sản phẩm qua từng thời kỳ phát triển. Đồng thời, cung cấp kiến thức về các trào lưu lớn trong lĩnh vực tạo dáng sản phẩm. Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình, thực hiện các sản phẩm cụ thể theo những trào lưu, phong cách tiêu biểu.

+ Mục tiêu của môn học:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các yếu tố văn hóa, lịch sử các trào lưu, phong cách trong thiết kế tạo dáng công nghiệp.
- Sinh viên sau khi hoàn tất học phần này nắm vững các kiến thức cơ bản về những quy ước, nguồn gốc ảnh hưởng đến màu sắc, hình khối, chất liệu của sản phẩm.
- Sinh viên hình thành khả năng phân tích sản phẩm thông qua nghiên cứu các hình thức biểu hiện.
- Sinh viên biết vận dụng kiến thức môn học như một phương pháp, công cụ trong việc giải quyết các vấn đề cần thiết để bước đầu thiết kế sản phẩm.

[DE09014] Hình họa chuyên ngành 2_TK Sản phẩm----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về hình họa và ký họa hình thể người toàn thân và các bộ phận của cơ thể người. Thông qua môn học, sinh viên nắm bắt được cách dựng hình tượng và người toàn thân, nghiên cứu sâu về dáng và động tác bàn tay. Đồng thời nghiên cứu sự tương tác giữa bàn tay-cơ thể người với vật dụng. Trên cơ sở, đó nhận diện mối liên hệ giữa hình dáng cấu tạo của vật dụng với đặc điểm cấu tạo cơ thể và các bộ phận, nhằm phục vụ cho mục đích thiết kế sau này, tạo ra những sp có hình dáng dễ sử dụng và công năng thuận tiện, thoải mái nhất cho người sử dụng.

[DE19011] Thực tập chuyên ngành----- Tín chỉ: 2[0.2.2]

- + Thực tập chuyên ngành là môn học được tổ chức vào học kỳ hè năm hai, với mục đích giúp cho sinh viên làm quen với môi trường thực tế, ứng dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể tại một doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chuyên môn để khi ra trường có được một nền tảng kinh nghiệm nhất định, ứng dụng những kiến thức đã học qua việc thực hiện một số đồ án vào môi trường làm việc cụ thể. Môn học giúp cho việc lựa chọn đề tài cho việc thực hiện đồ án tốt nghiệp sau này của mỗi sinh viên, sinh viên có cơ hội rèn luyện tính kỷ luật, ý thức, trách nhiệm. Xây dựng kỹ năng học được từ thực tế thông qua trình thực tập, đối chiếu với những kiến thức đã học trong nhà trường và rút ra những kinh nghiệm cho bản thân.

[DE19010] Vật liệu trong Thiết kế sản phẩm ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Mô tả môn học:
 - Vật liệu trong thiết kế sản phẩm là môn học nhằm cung cấp kiến thức tổng quan về vật liệu chế tạo sản phẩm, từ khái niệm, phân loại, mục đích, tính chất vật lý, tính kinh tế và tính thẩm mỹ cho đến ngôn ngữ vật liệu trong thiết kế tạo dáng sản phẩm công nghiệp. Ứng dụng vật liệu vào bài tập tạo mẫu đầu tiên.
- + Mục tiêu môn học:
 - Sinh viên có kiến thức về các loại vật liệu khác nhau trong thiết kế sản phẩm.
 - Sinh viên có khả năng pha chế, xử lý, tái chế các loại vật liệu bằng những phương pháp thí nghiệm, loại suy, lập biểu đồ.
 - Sinh viên có kiến thức vững chắc về vật liệu sản phẩm để ứng dụng vào các bài tập dạng đồ án chuyên ngành từ ý tưởng đến hiện thực.

[DE19015] Kỹ thuật khuôn mẫu trong TK chi tiết sản phẩm ----- Tín chỉ: 3[1.2.6]

- + Mô tả môn học:
 - Là môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng cơ bản trong các kỹ thuật thực hiện các chi tiết trang trí như: chi tiết đan, thêu, chi tiết rập trong thiết kế giày, chi tiết khối trong tạo 3D trong khuôn, chi tiết làm khuôn chìm trong gốm sứ, ...
- + Mục tiêu môn học:
 - Sinh viên được hoàn thiện kỹ năng thực hành chi tiết trên các chất liệu khác nhau (chất liệu silicon, giấy, nhựa, vải, da, gỗ, cát, ...).
 - Sinh viên vận dụng kỹ năng tạo chi tiết để ứng dụng trong các đồ án sau.
 - Sinh viên sử dụng chất liệu, hình khối với kỹ thuật tạo chi tiết là một phần công việc trong các khâu sản xuất thực tế. Am hiểu kỹ thuật là chìa khóa dẫn đến những sản phẩm hoàn thiện.

[DE19016] Tư duy thiết kế----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Đây là môn học cơ sở thực hành nhằm giúp người học vận dụng, khai thác phương pháp suy nghĩ sáng tạo để giải quyết các vấn đề trong thiết kế 2D. Sinh viên sẽ được tiếp xúc với nhiều phương pháp phát triển ý tưởng một cách sáng tạo để mở rộng cánh cửa tư duy trừu tượng và cách nhìn thẩm mỹ. Thông qua các bài tập hàng tuần, sinh viên sẽ trải

nghiệm nhiều vấn đề trong thiết kế đồ họa cần được giải quyết bằng các ứng dụng thị giác. Những trải nghiệm này sẽ giúp phát triển tính cách mạch lạc, linh hoạt và độc đáo trong người học. Cuối môn học sinh viên sẽ biến các ý tưởng sáng tạo thành một đồ án môn học. Trong môn học này, sinh viên sẽ tìm thấy rất nhiều cơ hội để cảm nhận và đánh giá thế nào là một thiết kế hiệu quả và rõ ràng.

[DE13020] Chuyên đề 1_TK Sản phẩm----- Tín chỉ: 2[1.1.2]

+ Sinh viên chọn một trong những môn học sau:

- [DE09024] Nghệ thuật trang trí công cộng -----2[1.1.2]
- [DE09025] Phương pháp xây dựng portfolio -----2[1.1.2]
- [DE09026] Phương pháp tư duy sáng tạo trong thiết kế thời trang -----2[1.1.2]
- [DE09027] Nghiên cứu thương hiệu thời trang -----2[1.1.2]
- [DE09028] Xây dựng quy trình thiết kế thời trang -----2[1.1.2]
- [DE09029] Kỹ thuật in-----2[1.1.2]
- [DE09030] Nghệ thuật bố cục trình bày-----2[1.1.2]
- [DE09031] Nội thất trang trí công cộng-----2[1.1.2]
- [DE09032] Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm -----2[1.1.2]
- [DE09033] Draping nâng cao -----2[1.1.2]
- [DE09034] Xử lý chất liệu nâng cao-----2[1.1.2]
- [DE09035] Minh họa thời trang -----2[1.1.2]
- [DE09036] Nghệ thuật sắp đặt-----2[1.1.2]
- [DE09037] Phong thủy-----2[1.1.2]
- [AA39001] Khởi nghiệp-----2[1.1.2]

[DE13021] Nghệ thuật sắp đặt, trưng bày sản phẩm ----- Tín chỉ: 2[1.1.2]

+ Mô tả môn học:

- Cung cấp các kỹ năng liên ngành trong việc trưng bày một hay nhiều sản phẩm. Bổ sung đầy đủ, tổng quát kiến thức về thẩm mỹ cho người học sau khi sản phẩm được xuất xưởng ra thị trường.

+ Mục tiêu môn học:

- Sinh viên sử dụng các kỹ năng về bố cục, đồ họa, chiếu sáng, kịch bản trang trí v.v ... để bày bán tại cửa hàng, showroom, hoặc cho thuyết trình, quảng cáo.
- Sinh viên nhận vận dụng kỹ năng phân tích thẩm mỹ để sản phẩm đạt cao nhất tính thẩm mỹ và công năng đến người xem.

[DE13022] Nghệ thuật thủ công truyền thống Việt Nam----- Tín chỉ: 2[1.1.2]

+ Mô tả môn học:

- Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các ngành nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống ở nước ta. Bao gồm: chạm, khắc, đục, khảm (kim loại, gỗ, đá, gốm, ...); đan, thêu (mây, tre, lá, ...); dệt, may (thô cầm, lụa, ...). Từ toàn cảnh đến đặc trưng về nghệ thuật, kỹ thuật cũng như những ứng dụng trong đời sống, văn hóa, nhân sinh, ... hiện nay.

+ Mục tiêu của môn học:

- Người học được trang bị kiến thức đi từ cơ bản, tổng quát đến việc hướng cái nhìn chuyên sâu về một (hoặc vài) ngành nghề thủ công truyền thống có tiềm năng – mà mình yêu thích. Từ đó, có sự nghiên cứu chuyên biệt đồng thời có thể ứng dụng kiến thức cho các môn học sau, cũng như định hướng phát triển lâu dài về chất liệu sáng tạo cho (dòng) sản phẩm sau này.

- Sinh viên không chỉ hiểu về kỹ thuật, phương pháp cơ bản của các nghề thủ công, mà còn nâng cao hiểu biết về nguồn gốc, sự hình thành, phát triển cũng như sự giao thoa, dung hòa giữa thủ công truyền thống với công nghệ hiện đại.
- Qua các buổi thuyết minh, thảo luận, làm việc nhóm, sinh viên sẽ có thêm những ý tưởng, sáng tạo về tính ứng dụng chất liệu truyền thống trong tạo dáng sản phẩm; ứng dụng kiến thức liên ngành, liên môn trong việc định hướng sản xuất, đối tượng tiêu dùng, phát triển sản phẩm ra thị trường, ...

[DE13023] Chuyên đề 2_TK Sản phẩm----- Tín chỉ: 2[1.1.2]

+ Sinh viên chọn một trong những môn học sau:

- [DE09024] Nghệ thuật trang trí công cộng ----- 2[1.1.2]
- [DE09025] Phương pháp xây dựng portfolio ----- 2[1.1.2]
- [DE09026] Phương pháp tư duy sáng tạo trong thiết kế thời trang ----- 2[1.1.2]
- [DE09027] Nghiên cứu thương hiệu thời trang ----- 2[1.1.2]
- [DE09028] Xây dựng quy trình thiết kế thời trang ----- 2[1.1.2]
- [DE09029] Kỹ thuật in ----- 2[1.1.2]
- [DE09030] Nghệ thuật bố cục trình bày ----- 2[1.1.2]
- [DE09031] Nội thất trang trí công cộng ----- 2[1.1.2]
- [DE09032] Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm ----- 2[1.1.2]
- [DE09033] Draping nâng cao ----- 2[1.1.2]
- [DE09034] Xử lý chất liệu nâng cao ----- 2[1.1.2]
- [DE09035] Minh họa thời trang ----- 2[1.1.2]
- [DE09036] Nghệ thuật sắp đặt ----- 2[1.1.2]
- [DE09037] Phong thủy ----- 2[1.1.2]
- [AA39001] Khởi nghiệp ----- 2[1.1.2]

Chuyên ngành Thiết kế thời trang

[DE29001] Kỹ thuật thể hiện đồ án thời trang 1 ----- Tín chỉ: 3[1.2.5]

+ Môn học giúp cho sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản từ việc chọn ý tưởng, viết đề cương, viết cơ sở luận, đề ra phương án, vẽ phát thảo, xử lý mẫu để có thể thể hiện một đồ án chuyên ngành thời trang một cách logic, hợp lý, và vận dụng các phương pháp nghiên cứu, trình bày ý tưởng thời trang đạt hiệu quả cao nhất.

[DE29002] Mô tuýp và màu sắc trong thiết kế thời trang ----- Tín chỉ: 3[1.2.5]

+ Màu sắc là nền tảng căn bản trong thiết kế. Môn học nhằm hướng trang bị những kiến thức nền tảng về quy tắc pha phối màu sắc, cách tạo nên mô tuýp và vận dụng vào chuyên môn thiết kế thời trang.

[DE09010] Hình họa chuyên ngành 1_TK Thời trang ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

+ Môn học trang bị cho sinh viên lý thuyết và kỹ thuật cơ bản để vẽ người mẫu trong nhiều tư thế khác nhau, bằng các chất liệu cơ bản như bút chì, bút sắt, màu nước. Sinh viên được cung cấp kiến thức về giải phẫu tạo hình và thực hành làm quen với các bài vẽ tượng trước. Sau khi đã nắm bắt được những cấu trúc cơ bản về tỉ lệ, trục, hình khối cơ thể người, từ đó sinh viên sẽ có những cơ sở cần thiết để tập vẽ người thật. Việc liên tục vẽ với người mẫu thật nhằm phát triển kỹ năng quan sát cho người học, nâng cao sự hiểu biết về cơ thể người và kỹ năng hình họa.

[DE29004] Kỹ thuật mô hình thời trang 1 ----- Tín chỉ: 3[1.2.5]

+ Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật phủ vải, nilon, giấy lên mannequin mẫu tạo nên những kiểu bóng trang phục cơ bản. Sau đó sáng tạo mẫu với

những đường rã cúp bay bông, không giới hạn, triệt tiêu những đường ben đơn điệu, tạo khối, tạo những dạng dún, xếp, ... đặc biệt là kỹ thuật phẳng hóa những khối 3D thành những mảnh rập 2D để may mẫu thử, hoàn chỉnh mẫu thử và thực hiện sản phẩm thật.

[DE29005] Kỹ thuật thể hiện đồ án thời trang 2 ----- Tín chỉ: 3[1.2.5]

- + Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các lệnh, thao tác, quy trình làm việc với phần mềm Illustrator và Photoshop để vận dụng thực hiện các ý tưởng thiết kế thời trang, poster...

[DE29006] Nguyên lý thiết kế thời trang ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Nguyên lý thiết kế trang phục là môn học lý thuyết có thực hành. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý thiết kế thời trang, ngôn ngữ tạo hình trong thiết kế trang phục và các quy luật về bố cục, đường nét, hình dáng, chất liệu, màu sắc, ... trang phục, lịch sử ngành thiết kế thời trang và nguyên lý thiết kế cho từng loại sản phẩm thời trang, đồng thời giúp sinh viên nắm vững và vận dụng tốt các yếu tố cơ bản trong thiết kế thời trang, các phương pháp nghiên cứu, thảo luận, sưu tầm tư liệu, ... bước đầu giúp sinh viên thực hiện bản vẽ thiết kế thời trang.

[DE29007] Văn hóa và phong cách trong thiết kế thời trang ----- Tín chỉ: 3[1.2.5]

- + Là môn học kết hợp giữa lý thuyết – thảo luận phân biện và thực hành. Qua môn học này sinh viên bước đầu tiếp cận và làm quen các khái niệm chuyên ngành như văn hóa, phong cách, ... Vận dụng các phương pháp phát triển ý tưởng, xây dựng "câu chuyện" cho các thiết kế của mình từ đơn giản đến hoàn thiện.

[DE29009] Chất liệu và xử lý chất liệu TK Thời trang ----- Tín chỉ: 3[1.2.5]

- + Vải là vật liệu chính trong thiết kế thời trang. Môn học Chất liệu may mặc nhằm hướng trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về chất liệu vải, từ cách thức nhận biết bề mặt cho đến tính chất của nhiều loại chất liệu vải khác nhau. Môn học cung cấp kiến thức nền tảng trong việc nhận biết và phân biệt chất liệu. Giúp sinh viên hình thành kỹ năng trong việc lựa chọn, xử lý và phối hợp các chất liệu trong công việc thiết kế trang phục.

[DE09015] Hình họa chuyên ngành 2_TK Thời trang ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Môn học cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về diễn họa thời trang, diễn họa trang phục. Thông qua môn học, sinh viên nắm được cách vẽ cơ thể người cách điệu theo tỉ lệ kéo dài, nghiên cứu phác họa cơ thể ở nhiều tư thế tạo dáng khác nhau, cách diễn tả trang phục, người mẫu mặc trang phục và kỹ thuật sử dụng chất liệu thường dùng trong diễn họa thời trang như bút chì, bút sắt, màu nước, chì màu, marker,... Kết thúc môn học, sinh viên hoàn thành một bộ sketch dáng để phục vụ cho mục đích thiết kế sau này.

[DE29010] Kỹ thuật mô hình thời trang 2 ----- Tín chỉ: 3[1.2.5]

- + Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật tạo hình, tạo khối nâng cao ngay trên cấu trúc trang phục, đặc biệt là kỹ thuật phẳng hóa những khối 3D. Với kỹ thuật làm rập 3D vải, giấy, nilon và tăng volum, sinh viên có nhiều sự biến hóa thích thú và sự chính xác khá hoàn hảo mà giấy (2D) và bút chì khó có thể tự thực hiện được, nó thoát khỏi những cách cắt may truyền thống, có khi triệt tiêu đường may.

[DE29011] Thực tập chuyên ngành ----- Tín chỉ: 2[0.2.2]

- + Thực tập chuyên ngành là môn học được tổ chức vào học kỳ hè năm hai, với mục đích giúp cho sinh viên làm quen với môi trường thực tế, ứng dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể tại một doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chuyên môn. Thông qua môi trường làm việc thực tế này, môn học còn hướng đến giúp người học rèn luyện tính kỷ

luật, ý thức, trách nhiệm, xây dựng kỹ năng học được từ thực tế thông qua trình thực tập, đối chiếu với những kiến thức đã học trong nhà trường và rút ra những kinh nghiệm cho bản thân.

[DE23017] Chuyên đề 1_TK Thời trang ----- Tín chỉ: 2[1.1.2]

+ Sinh viên chọn một trong những môn học sau:

- [DE09024] Nghệ thuật trang trí công cộng ----- 2[1.1.2]
- [DE09025] Phương pháp xây dựng portfolio ----- 2[1.1.2]
- [DE09026] Phương pháp tư duy sáng tạo trong thiết kế thời trang ----- 2[1.1.2]
- [DE09027] Nghiên cứu thương hiệu thời trang ----- 2[1.1.2]
- [DE09029] Kỹ thuật in ----- 2[1.1.2]
- [DE09030] Nghệ thuật bố cục trình bày ----- 2[1.1.2]
- [DE09031] Nội thất trang trí công cộng ----- 2[1.1.2]
- [DE09032] Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm ----- 2[1.1.2]
- [DE09033] Rập 3D nâng cao ----- 2[1.1.2]
- [DE09034] Xử lý chất liệu nâng cao ----- 2[1.1.2]
- [DE09035] Minh họa thời trang ----- 2[1.1.2]
- [DE09036] Nghệ thuật sắp đặt ----- 2[1.1.2]
- [DE09037] Phong thủy ----- 2[1.1.2]
- [AA39001] Khởi nghiệp ----- 2[1.1.2]

[DE23020] Chuyên đề 2_TK Thời trang ----- Tín chỉ: 2[1.1.2]

+ Sinh viên chọn một trong những môn học sau:

- [DE09024] Nghệ thuật trang trí công cộng ----- 2[1.1.2]
- [DE09025] Phương pháp xây dựng portfolio ----- 2[1.1.2]
- [DE09026] Phương pháp tư duy sáng tạo trong thiết kế thời trang ----- 2[1.1.2]
- [DE09027] Nghiên cứu thương hiệu thời trang ----- 2[1.1.2]
- [DE09028] Xây dựng quy trình thiết kế thời trang ----- 2[1.1.2]
- [DE09029] Kỹ thuật in ----- 2[1.1.2]
- [DE09030] Nghệ thuật bố cục trình bày ----- 2[1.1.2]
- [DE09031] Nội thất trang trí công cộng ----- 2[1.1.2]
- [DE09032] Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm ----- 2[1.1.2]
- [DE09033] Draping nâng cao ----- 2[1.1.2]
- [DE09034] Xử lý chất liệu nâng cao ----- 2[1.1.2]
- [DE09035] Minh họa thời trang ----- 2[1.1.2]
- [DE09036] Nghệ thuật sắp đặt ----- 2[1.1.2]
- [DE09037] Phong thủy ----- 2[1.1.2]
- [AA39001] Khởi nghiệp ----- 2[1.1.2]

Chuyên ngành Thiết kế đồ họa

[DE39001] Kỹ thuật mô hình đồ họa ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

+ Kỹ thuật mô hình đồ họa là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên những kỹ năng về hình khối thông qua các bài học về hình khối và tương tác chất liệu trong ngành thiết kế đồ họa. Thông qua môn học sinh viên nắm rõ những khái niệm và chức năng của từng hình dạng khối, chất liệu tương thích, nhằm mục đích hỗ trợ và hiểu sâu hơn những ứng dụng thực tế của lĩnh vực này trong công việc hiện tại của thị trường thiết kế đồ họa đang ngày càng mở rộng và cập nhật nhiều xu hướng thiết kế mới như: 3D design, Decoration, ...

[DE39002] Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 1 ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Kỹ thuật thể hiện đồ án 1: là môn học thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm thiết kế minh họa (Adobe Illustrator) và phần mềm thiết kế dàn trang (Adobe Indesign). Sinh viên sẽ được cung cấp và rèn luyện các kỹ năng phát triển đồ án theo từng bước từ phác thảo, tư duy đến hoàn thiện và thuyết trình giới thiệu sản phẩm.

[DE39003] Mô tuýp và màu sắc trong thiết kế đồ họa ----- Tín chỉ: 3[2.1.4]

- + Mô tuýp và màu sắc trong thiết kế đồ họa là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên về các nguyên tắc phối màu cơ bản màu, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về màu sắc và bố cục các dạng hình khối qua các bài học về màu sắc và tương tác chất liệu trong ngành thiết kế đồ họa. Thông qua môn học sinh viên nắm rõ những khái niệm và chức năng của từng loại màu sắc, từng loại bố cục để ứng dụng một cách hiệu quả nhất cho các môn học, đề án tiếp theo của chuyên ngành đồ họa.

[DE09011] Hình họa chuyên ngành 1_TK Đồ họa ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Hình họa chuyên ngành 1 – Thiết kế Đồ họa là môn học bước đầu vận dụng các kiến thức, kỹ năng ở hai học phần hình họa trước theo hướng phục vụ cho chuyên ngành (đặc biệt những đồ án thiết kế có sử dụng yếu tố tạo hình nhân vật). Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về tỷ lệ cơ thể người; những kỹ năng đo đạc, dựng hình để có thể phác họa tư thế, dáng và chân dung người mẫu, chủ yếu ở chất liệu bút chì, bút sắt. Đồng thời, môn học cũng hướng đến việc rèn luyện cho sinh viên tính nghiêm túc, chịu khó, chủ động trong học tập.

[DE39004] Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 2----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Kỹ thuật thể hiện đồ án 2 là môn học tìm hiểu phần mềm đồ họa Photoshop và Flash và ứng dụng nó như một công cụ để triển khai ý tưởng cho các đồ án chuyên ngành của sinh viên.

[DE39005] Mô hình đồ họa ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Mô hình đồ họa là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng về khối thông qua các bài tập tương tác chất liệu trong ngành thiết kế đồ họa. Sinh viên sẽ phải nghiên cứu một trong các nền văn minh và nét văn hóa đặc trưng. Từ đó sinh viên xây dựng một sản phẩm mô hình window display mô tả sự kiện lễ hội của nền văn hóa đó. Thông qua môn học sinh viên hiểu sâu hơn những ứng dụng thực tế của lĩnh vực này trong công việc hiện tại của thị trường thiết kế đồ họa đang ngày càng mở rộng và cập nhật nhiều xu hướng thiết kế mới như: 3D Design, Decoration, ...

[DE39006] Nghệ thuật chữ----- Tín chỉ: 3[2.1.5]

- + Nghệ thuật chữ là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và khái niệm về nghệ thuật chữ, lịch sử hình thành và phát triển của chữ viết, cấu trúc và phân loại chữ viết theo bộ chữ Latin. Giới thiệu những ứng dụng của chữ trong thiết kế đồ họa, những trào lưu mới trong thiết kế chữ đương đại. Nắm rõ cách sử dụng các kiểu chữ hợp lý dựa trên nền tảng nghiên cứu và kiến thức. Hiểu rõ tầm quan trọng cũng như nét đặc trưng riêng của yếu tố chữ trong thiết kế.

[DE39007] Nguyên lý thiết kế đồ họa ----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

- + Nguyên lý thiết kế đồ họa là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên về những yếu tố và nguyên lý thiết kế, nguyên tắc hình ảnh trong thiết kế thông qua những bài tập sáng tạo nhằm khuyến khích sự trải nghiệm và phát triển theo cách thức riêng của từng cá nhân. Mục tiêu chính của môn học này là khuyến khích sinh viên phát triển và luyện tập thành thực những kỹ năng về tư duy và kỹ thuật đối với những yếu tố đồ họa cơ bản giúp phân biệt một nhà thiết kế đồ họa với một kỹ thuật viên vi tính. Một Graphic

Designer – người có thể giải quyết vấn đề một cách sáng tạo – là người được đào tạo để nghĩ ra, lên kế hoạch, và thể hiện thiết kế nhằm truyền đạt ý tưởng một cách giàu hình ảnh và trí tưởng tượng đến một số đối tượng người xem nhất định bằng bất cứ phương tiện truyền đạt nào. Để hình ảnh được truyền đạt hiệu quả đòi hỏi nhà thiết kế đồ họa phải nắm vững cũng như vận dụng thành thạo các yếu tố và nguyên lý thiết kế đồ họa.

[DE39008] Văn hóa và phong cách trong thiết kế đồ họa ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Văn hóa và phong cách trong thiết kế đồ họa là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên có cơ sở và phương pháp luận vững vàng khi thực hiện một sản phẩm thiết kế đồ họa, designer cần hiểu rõ về văn hóa, nguồn gốc và các tính chất liên quan đến phong cách, xu thế của nền văn hóa đó. Môn văn hóa và phong cách cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nền văn hóa, các nền văn hóa chính có liên quan và được sử dụng trực tiếp trong lịch sử thiết kế đồ họa trên thế giới. Thông qua các bài tập ứng dụng chất liệu, sinh viên hiểu được nguyên nhân hình thành các nền văn hóa các trào lưu thiết kế đồ họa chính. Từ đó vận dụng vào các đồ án chuyên ngành tiếp theo và các sản phẩm thiết kế của mình.

[DE09016] Hình họa chuyên ngành 2_TK Đồ họa ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Hình họa chuyên ngành 2 – Thiết kế Đồ họa là môn học nối tiếp với môn học Hình họa chuyên ngành 1 – Thiết kế Đồ họa, với trọng tâm là tiếp tục nâng cao những kiến thức và kỹ năng của sinh viên về phác họa cơ thể người, đặc biệt là kỹ năng dựng hình, bố cục người mẫu với các dáng tĩnh, động kèm theo không gian bối cảnh, ở nhiều góc nhìn khác nhau. Đồng thời, môn học cũng hướng đến việc rèn luyện kỹ năng thể hiện nhân vật bằng chất liệu màu và bước đầu triển khai ngôn ngữ cách điệu.

[DE39009] Minh họa nhân vật----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Minh họa nhân vật là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong quy trình sáng tác, minh họa nhân vật. Các phong cách vẽ minh họa của các họa sỹ thế giới và Việt Nam. Cách sử dụng walcom và phát triển kỹ năng vẽ sketch, nắm bắt hình ảnh khái quát. Là cơ sở cho đồ án minh họa sau này.

[DE39010] Quảng cáo đại cương ----- Tín chỉ: 3[3.0.6]

- + Quảng cáo đại cương là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quảng cáo, tiếp thị, thương hiệu và truyền thông. Thiết kế ứng dụng trong quảng cáo. Giúp sinh viên hiểu rõ những loại hình thiết kế trong tiếp thị, quảng cáo, thương hiệu và truyền thông, nắm rõ quy trình thực hiện các loại hình quảng cáo, cũng như những thiết kế ứng dụng trong từng loại hình quảng cáo.

[DE39011] Thực tập chuyên ngành----- Tín chỉ: 2[0.2.2]

- + Môn học Thực tập chuyên ngành giúp cho sinh viên vận dụng kiến thức ở trường vào công việc thực. Khi đăng ký môn học, sinh viên sẽ phải làm việc như một nhân viên thiết kế, một người lao động thực thụ tại doanh nghiệp, agency, hoặc cơ quan đơn vị có liên quan đến ngành nghề đã học.
- + Nội dung môn học được cá nhân hóa và hoàn toàn tùy thuộc vào kế hoạch được thỏa thuận giữa sinh viên, nhà tuyển dụng và nhà trường. Chương trình thực tập phải được nhà tuyển dụng chấp thuận trước khi sinh viên đăng ký môn học.
- + Số giờ thực tập được tính là 45 giờ = 1 tín chỉ. Sinh viên được đăng ký tối đa 6 tín chỉ (tương đương 6 tuần hoặc 270 giờ thực tập để đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp.

[DE39014] Nguyên lý thiết kế bao bì----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Nguyên lý thiết kế bao bì là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính công năng và thẩm mỹ của bao bì trong thiết kế 2D và 3D. Cách sử dụng chữ trên bao bì, cách gấp xếp tạo các mẫu bao bì. Nghiên cứu cấu trúc hình dáng không gian để phù hợp với sản phẩm bao gói và không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm bên trong.

[DE39015] Tư duy thiết kế----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

- + Tư duy thiết kế là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, quy tắc nền tảng về logic và phương pháp tư duy để hình thành và phát triển ý tưởng. Giới thiệu cho Sinh viên các tính chất, quy luật, nguyên lý của tư duy con người và sau đó tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả. Tìm hiểu một số đặc điểm tư duy của người Việt.

[DE33018] Chuyên đề 1_TK Đồ họa----- Tín chỉ: 2[1.1.2]

- + Sinh viên chọn một trong những môn học sau:

-	[DE09024]	Nghệ thuật trang trí công cộng -----	2[1.1.2]
-	[DE09025]	Phương pháp xây dựng porporlio -----	2[1.1.2]
-	[DE09026]	Phương pháp tư duy sáng tạo trong thiết kế thời trang -----	2[1.1.2]
-	[DE09027]	Nghiên cứu thương hiệu thời trang -----	2[1.1.2]
-	[DE09028]	Xây dựng quy trình thiết kế thời trang -----	2[1.1.2]
-	[DE09029]	Kỹ thuật in -----	2[1.1.2]
-	[DE09030]	Nghệ thuật bố cục trình bày-----	2[1.1.2]
-	[DE09031]	Nội thất trang trí công cộng-----	2[1.1.2]
-	[DE09032]	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm -----	2[1.1.2]
-	[DE09033]	Draping nâng cao -----	2[1.1.2]
-	[DE09034]	Xử lý chất liệu nâng cao-----	2[1.1.2]
-	[DE09035]	Minh họa thời trang -----	2[1.1.2]
-	[DE09036]	Nghệ thuật sắp đặt-----	2[1.1.2]
-	[DE09037]	Phong thủy-----	2[1.1.2]
-	[AA39001]	Khởi nghiệp-----	2[1.1.2]

[DE33021] Chuyên đề 2_TK Đồ họa----- Tín chỉ: 2[1.1.2]

- + Sinh viên chọn một trong những môn học sau:

-	[DE09024]	Nghệ thuật trang trí công cộng -----	2[1.1.2]
-	[DE09025]	Phương pháp xây dựng porporlio -----	2[1.1.2]
-	[DE09026]	Phương pháp tư duy sáng tạo trong thiết kế thời trang -----	2[1.1.2]
-	[DE09027]	Nghiên cứu thương hiệu thời trang -----	2[1.1.2]
-	[DE09028]	Xây dựng quy trình thiết kế thời trang -----	2[1.1.2]
-	[DE09029]	Kỹ thuật in -----	2[1.1.2]
-	[DE09030]	Nghệ thuật bố cục trình bày-----	2[1.1.2]
-	[DE09031]	Nội thất trang trí công cộng-----	2[1.1.2]
-	[DE09032]	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm -----	2[1.1.2]
-	[DE09033]	Draping nâng cao -----	2[1.1.2]
-	[DE09034]	Xử lý chất liệu nâng cao-----	2[1.1.2]
-	[DE09035]	Minh họa thời trang -----	2[1.1.2]
-	[DE09036]	Nghệ thuật sắp đặt-----	2[1.1.2]
-	[DE09037]	Phong thủy-----	2[1.1.2]
-	[AA39001]	Khởi nghiệp-----	2[1.1.2]

Chuyên ngành Thiết kế nội thất

[DE49001] Kỹ thuật mô hình nội thất ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Mục đích môn học: Sinh viên có thể thực hiện một mô hình, hình khối trên một mặt bằng, diễn đạt các khái niệm hình khối trong không gian theo ý tưởng của mình.
- + Nội dung tóm tắt: Khái niệm chung về hình khối. Các bài tập vận dụng dạng hình khối. Phương pháp thể hiện mô hình hình khối từ bản vẽ đến mặt bằng thực tế. Kỹ thuật sử dụng dụng cụ, vật liệu mô hình. Kỹ năng cộng tác làm việc nhóm ở bài thi cuối kỳ.
- + Cách đánh giá kết quả: Các bài tập học phần: 40%. Bài thi cuối kỳ: 50%. Điểm đánh giá quá trình: 10%.

[DE49002] Mô tuýp và màu sắc trong thiết kế nội thất ----- Tín chỉ: 3[2.1.4]

- + Tóm tắt môn học: Mô tuýp và màu sắc trong thiết kế nội thất là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên về các nguyên tắc phối màu cơ bản, ứng dụng các nguyên tắc phối màu vào không gian nội thất cụ thể. Môn học không chỉ rèn luyện người học cách quan sát, phân tích và sử dụng màu sắc, ... kết hợp màu sắc, vật liệu và chi tiết thiết kế theo một hệ thống nhất mà còn giúp người học phát triển sáng tác từ những hình cơ bản và ứng dụng chúng vào chuyên ngành thiết kế nội thất. Thông qua môn học, sinh viên ý thức được vai trò của người làm thiết kế, tự học, tự nghiên cứu để bổ sung kiến thức chuyên ngành, thường xuyên cập nhật xu hướng thiết kế mới trên thế giới, xu hướng sử dụng màu, phong cách thiết kế, ...

[DE09012] Hình họa chuyên ngành 1_TK Nội thất ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Hình họa chuyên ngành 1 – Thiết kế Nội thất 1 là môn học cơ sở ngành, nhằm cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản, liên quan đến việc phác họa không gian cũng như diễn họa vật liệu trong thiết kế Nội thất. Thông qua môn học, sinh viên được thực hành phác họa không gian 1 điểm tụ, 2 điểm tụ. Ngoài ra, sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng diễn tả một số vật liệu như: thủy tinh, kiếng, gỗ, đá, gạch... thông qua mẫu diễn họa tiêu biểu. Cuối học kỳ, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức và kỹ năng có được để thể hiện bài diễn họa không gian thực tế kèm theo một vài sản phẩm nội thất thường gặp.

[DE49003] Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 1 ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Mục đích môn học: Kỹ thuật trình bày các đồ án nội thất sao cho ý tưởng thiết kế được trình bày một cách logic, hợp lý và có hiệu quả lôi cuốn người xem hơn.
- + Nội dung tóm tắt: Các tiêu chuẩn và quy ước của bản vẽ kỹ thuật. Các kỹ thuật thể hiện bản vẽ bằng các chất liệu khác nhau (bút chì, bút kim, màu bột, màu nước, bút sáp, marker, ...), cách bố cục các thành phần trong bản vẽ đồ án. Bài tập nhỏ: các bản vẽ tại lớp, thể hiện bản vẽ 2D, 3D bằng các chất liệu khác nhau Bài tập lớn: thể hiện hoàn chỉnh một bản vẽ đồ án cụ thể.
- + Cách đánh giá kết quả: Bài tập nhỏ 30%, bài tập lớn 70%

[DE49004] Nguyên lý thiết kế nội thất ----- Tín chỉ: 3[2.1.4]

- + Mục đích môn học: Hình thành cho sinh viên một kiến thức tổng quan về ngành nghề, các nguyên lý cơ bản nhất để tạo dựng các không gian nội thất đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về công năng thẩm mỹ. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý thiết kế nội thất, ngôn ngữ tạo hình và các quy luật của bố cục, đường nét, hình dáng, chất liệu, màu sắc, ... trong không gian nội thất. Cấu trúc nội thất và những sản phẩm nội thất.

- + Nội dung tóm tắt: Tổng quan về lịch sử ngành. Các nguyên lý thiết kế chuyên ngành. Sinh viên thực hiện các đề tài nghiên cứu, seminar và các bài tập ứng dụng nguyên lý thiết kế vào không gian cụ thể.
- + Những nguyên lý bố cục 3D. Bài tập thực hành về nguyên lý nội thất. Những nguyên lý thiết kế nội thất đại cương về không gian, giao thông trong nội thất, chất liệu và cấu trúc nội thất, ...
- + Cách đánh giá kết quả: Bài tập ứng dụng nguyên lý 20% (bài tập cá nhân), tham gia seminar 20% (tham gia theo nhóm). Đề tài nghiên cứu nhỏ (tiểu luận) 60% (đề tài cá nhân hoặc nhóm, tùy theo quy mô đề tài). Nộp tiểu luận vào thời điểm cuối kỳ. Không có bài thi học kỳ.

[DE49005] Văn hóa và phong cách trong thiết kế nội thất ----- Tín chỉ: 3[2.1.4]

- + Mục đích môn học: Tìm hiểu các phương pháp của Design, các vấn đề về phát triển ý tưởng trong Nội thất, phương pháp nhận diện, phân tích và ứng dụng các yếu tố văn hóa – phong cách trong không gian nội thất, thông qua motif, đường nét, màu sắc, vật liệu, hình khối. ...
- + Nội dung tóm tắt: Môn Văn hóa và phong cách trong Thiết kế Nội thất thuộc nhóm môn học cơ sở ngành Nội thất. Là môn học kết hợp giữa truyền thụ lý thuyết chuyên ngành - thảo luận phản biện và thực hành bài tập. Qua môn học này sinh viên bước đầu tiếp cận và làm quen các khái niệm chuyên ngành như Văn hóa, Phong cách, xu hướng..., qua đó vận dụng các phương pháp tìm kiếm phát triển ý tưởng, xây dựng "câu chuyện" cho các thiết kế của mình từ đơn giản đến hoàn thiện.
- + Cách đánh giá kết quả: Chuyên cần 20%, Bài tập giữa kỳ 20%, Bài thi cuối kỳ 60%.

[DE09017] Hình họa chuyên ngành 2_TK Nội thất ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Hình họa chuyên ngành 2 – Thiết kế Nội thất là môn học cơ sở ngành tiếp theo Hình họa chuyên ngành 1 – Thiết kế Nội thất, tiếp tục đi sâu vào việc cung cấp kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc diễn họa những không gian nội thất hoàn chỉnh ở cấp độ phức tạp hơn. Thông qua môn học, sinh viên được thực hành phân tích và phác họa tổ hợp khối để dễ dàng phân tích tổ hợp cấu trúc của không gian nội thất ngoài thực tế. Ngoài ra, sinh viên sẽ tiếp tục được rèn luyện kỹ năng diễn tả những không gian nội thất cụ thể như nhà ở, văn phòng, dịch vụ giải trí... thông qua các mẫu diễn họa tiêu biểu. Cuối học kỳ, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức và kỹ năng diễn họa có được để thể hiện bài diễn họa không gian thực tế ngoài trời.
- + Cách đánh giá kết quả: Bài ngoài giờ 10%, Bài trong giờ 40%, Bài thi cuối kỳ 50%.

[DE49007] Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 2 ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Mục tiêu của môn học: Sinh viên có đủ kiến thức, kỹ năng, sáng tạo để thực hiện diễn họa các phối cảnh nội – ngoại thất và hoàn thành tốt các đồ án chuyên ngành.
- + Nội dung tóm tắt: Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các lệnh, thao tác, quy trình làm việc với phần mềm 3DS Max và Vray để vận dụng thực hiện các ý tưởng thiết kế không gian Nội – Ngoại thất.

[DE49008] Nhận diện thương hiệu ----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

[DE49009] Thực tập chuyên ngành ----- Tín chỉ: 2[0.2.2]

- + Thực tập chuyên ngành là môn học được tổ chức vào học kỳ hè năm hai, với mục đích giúp cho sinh viên làm quen với môi trường thực tế, ứng dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể tại một doanh nghiệp chuyên về kiến trúc – nội thất hoặc liên quan

thiết kế xây dựng, cơ sở sản xuất chuyên môn. Thông qua môi trường làm việc thực tế này, môn học còn hướng đến giúp người học rèn luyện tính kỷ luật, ý thức, trách nhiệm, xây dựng kỹ năng học được từ thực tế thông qua trình thực tập, đối chiếu với những kiến thức đã học trong nhà trường và rút ra những kinh nghiệm cho bản thân.

[DE49013] Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 3----- Tín chi: 3[1.2.4]

- + Mục đích môn học: Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng chương trình tin học chuyên ngành phục vụ thiết kế. Có kỹ năng trình bày thể hiện thiết kế theo chủ đề ý tưởng phù hợp công năng và kết cấu công trình. Qua môn học sinh viên sẽ sử dụng thành thạo phần mềm tin học chuyên ngành
- + Nội dung tóm tắt: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các lệnh, thao tác, quy trình làm việc với phần mềm SketchUp để vận dụng thực hiện các ý tưởng thiết kế không gian Nội – Ngoại thất.

[DE43017] Chuyên đề 1_TK Nội thất----- Tín chi: 2[1.1.2]

- + Sinh viên chọn một trong những môn học sau:
 - [DE09024] Nghệ thuật trang trí công cộng -----2[1.1.2]
 - [DE09025] Phương pháp xây dựng porporlio -----2[1.1.2]
 - [DE09026] Phương pháp tư duy sáng tạo trong thiết kế thời trang -----2[1.1.2]
 - [DE09027] Nghiên cứu thương hiệu thời trang -----2[1.1.2]
 - [DE09028] Xây dựng quy trình thiết kế thời trang -----2[1.1.2]
 - [DE09029] Kỹ thuật in -----2[1.1.2]
 - [DE09030] Nghệ thuật bố cục trình bày-----2[1.1.2]
 - [DE09031] Nội thất trang trí công cộng-----2[1.1.2]
 - [DE09032] Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm -----2[1.1.2]
 - [DE09033] Draping nâng cao -----2[1.1.2]
 - [DE09034] Xử lý chất liệu nâng cao-----2[1.1.2]
 - [DE09035] Minh họa thời trang -----2[1.1.2]
 - [DE09036] Nghệ thuật sắp đặt-----2[1.1.2]
 - [DE09037] Phong thủy-----2[1.1.2]
 - [AA39001] Khởi nghiệp-----2[1.1.2]

[DE43018] Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 4----- Tín chi: 3[1.2.4]

- + Nội dung môn học gồm hai phần: ôn tập các kiến thức cơ bản về triển khai bản vẽ kỹ thuật và bổ sung các kiến thức nâng cao trong việc sử dụng phần mềm AutoCAD, các kỹ thuật chuyên biệt trong việc phối hợp với các phần mềm khác như 3DS Max, Photoshop để vận dụng triển khai và trình bày hồ sơ bản vẽ cho đồ án thiết kế nội thất.

[DE43021] Chuyên đề 2_TK Nội thất----- Tín chi: 2[1.1.2]

- + Sinh viên chọn một trong những môn học sau:
 - [DE09024] Nghệ thuật trang trí công cộng -----2[1.1.2]
 - [DE09025] Phương pháp xây dựng porporlio -----2[1.1.2]
 - [DE09026] Phương pháp tư duy sáng tạo trong thiết kế thời trang -----2[1.1.2]
 - [DE09027] Nghiên cứu thương hiệu thời trang -----2[1.1.2]
 - [DE09028] Xây dựng quy trình thiết kế thời trang -----2[1.1.2]
 - [DE09029] Kỹ thuật in -----2[1.1.2]
 - [DE09030] Nghệ thuật bố cục trình bày-----2[1.1.2]
 - [DE09031] Nội thất trang trí công cộng-----2[1.1.2]
 - [DE09032] Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm -----2[1.1.2]
 - [DE09033] Draping nâng cao -----2[1.1.2]

- [DE09034] Xử lý chất liệu nâng cao-----2[1.1.2]
- [DE09035] Minh họa thời trang -----2[1.1.2]
- [DE09036] Nghệ thuật sắp đặt-----2[1.1.2]
- [DE09037] Phong thủy-----2[1.1.2]
- [AA39001] Khởi nghiệp-----2[1.1.2]

[DE43022] Lịch sử kiến trúc nội thất----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về lịch sử kiến trúc – nội thất thế giới qua các thời kỳ từ Cổ đại đến hiện đại. Sinh viên sẽ nắm được quá trình hình thành và phát triển của một số nền kiến trúc – nội thất tiêu biểu, sự tác động ảnh hưởng của nền văn hóa lên các phong cách kiến trúc – nội thất.

[5] **Khối Kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp - Chuyên ngành**

Chuyên ngành Thiết kế sản phẩm

[DE19007] Chế tác nữ trang ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Mô tả môn học:
 - Đồ án chế tác trang sức cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên biệt về trang sức bao gồm: cách phân loại, tên gọi, và các yếu tố tác động trực tiếp đến thiết kế trang sức cũng như các yếu tố nhân trắc học, vật liệu, kỹ thuật, ...
- + Mục tiêu môn học:
 - Sinh viên được thực hiện tiến trình thiết kế một sản phẩm trang sức từ phương pháp đặt vấn đề, tiếp cận nghiên cứu và giải quyết vấn đề ở mức độ trên bản vẽ sketch – phác thảo, đưa ra giải pháp ý tưởng 3D, sau đó tiến hành lên mô hình sản phẩm với tỷ lệ 1:1.

[DE19008] Nguyên lý thiết kế trong Thiết kế sản phẩm----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

- + Mô tả môn học:
 - Tổng quan về lịch sử ngành. Các nguyên lý thiết kế chuyên ngành. Sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu, seminar và các bài tập ứng dụng nguyên lý thiết kế cụ thể.
- + Mục tiêu môn học:
 - Hình thành cho sinh viên một kiến thức tổng quan về ngành nghề, các nguyên lý cơ bản nhất để thiết kế một sản phẩm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về công năng thẩm mỹ, thị hiếu. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý thiết kế sản phẩm, ngôn ngữ tạo hình và các quy luật của bố cục, đường nét, hình khối, vật liệu, màu sắc.

[DE19009] Trang trí sản phẩm ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Mô tả môn học:
 - Trang trí sản phẩm là môn học đồ án đầu tiên của chuyên ngành. Đưa ra những tình huống sản phẩm cụ thể nhằm giúp sinh viên giải quyết những kiến thức đã được học từ màu sắc, phong cách đến vật liệu sao cho phù hợp với chức năng và tính thẩm mỹ của từng loại hình sản phẩm.
- + Mục tiêu môn học:
 - Sinh viên biết vận dụng kiến thức môn học từ chức năng, loại hình, ngôn ngữ, vật liệu, hình khối cho đến phương pháp luận thiết kế sản phẩm theo từng thể loại một cách cơ bản nhất.

[DE19012] Phương pháp tìm ý trong Thiết kế sản phẩm ----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

- + Mô tả môn học:

- Cung cấp cho người học các công cụ để sáng tạo. Dựa trên các nguyên tắc về thiết kế và các phương pháp mới nhất, năng động nhất trong việc phá bỏ các định kiến cũ về thiết kế một cách khoa học và đơn giản nhất.
- + Mục tiêu môn học:
 - Cung cấp cho người học các công cụ để sáng tạo. Dựa trên các nguyên tắc về thiết kế và các phương pháp mới nhất, năng động nhất trong việc phá bỏ các định kiến cũ về thiết kế một cách khoa học và đơn giản nhất.
 - Sinh viên được hướng dẫn cách thiết lập ý tưởng và giải quyết các vấn đề trong thiết kế.
 - Sinh viên được sử dụng trên 10 phương pháp khác nhau từ những chuyên gia và doanh nghiệp.

[DE19013] Thiết kế công cụ cầm tay----- Tín chi: 2[1.1.3]

- + Mô tả môn học:
 - Thiết kế Tạo dáng công cụ cầm tay là môn học dạng đồ án nhằm cung cấp kiến thức tổng quan về các sản phẩm công cụ cầm tay, cấu trúc lao động của bàn tay, các ngón tay cho đến không gian sử dụng sản phẩm. Từ đó sinh viên đưa ra những giải pháp thiết kế một sản phẩm thao tác bằng tay, phục vụ cho nhu cầu trong lao động và trong sinh hoạt.
- + Mục tiêu của môn học:
 - Sinh viên biết vận dụng kiến thức môn học từ khái niệm, lịch sử, chức năng, loại hình, ngôn ngữ đến phương pháp luận thiết kế tạo dáng sản phẩm theo thể loại.
 - Sinh viên hiểu được mục tiêu chính trong thiết kế công cụ cầm tay là dựa trên những yếu tố tương tác giữa bàn tay và các ngón tay, tầm mắt người nhìn, không gian sử dụng, ... từ đó khái quát được công năng, hình dáng của sản phẩm.
 - Qua nghiên cứu đối tượng thiết kế dưới góc độ loại hình, cấu trúc cấu tạo, công nghệ chế tác sinh viên được giả định giải quyết một vấn đề thực tiễn, thiết kế tạo dáng một sản phẩm công cụ cầm tay có công năng xác định thông qua ý tưởng và giải pháp cụ thể về kiểu dáng, vật liệu, kết cấu đảm bảo tính công năng, hình thức thẩm mỹ công nghiệp, cho tới tính khả thi và tính thương mại.

[DE19014] Thiết kế đồ gia dụng ----- Tín chi: 2[1.1.3]

- + Mô tả môn học:
 - Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại hình sản phẩm. Lịch sử phát triển của các phong cách thiết kế và xu hướng thiết kế gần đây. Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ thiết kế 3D và thực hiện mô hình tại xưởng.
- + Mục tiêu môn học:
 - Tiêu chuẩn của từng loại sản phẩm.
 - Áp dụng số liệu nhân trắc học và an toàn môi trường.
 - Quy trình dây chuyền chế tạo hàng loạt và chuẩn hóa đối với thiết kế mẫu.
- + Mục tiêu về kỹ năng:
 - Tạo hình khối phù hợp công năng với đối tượng sử dụng.
 - Sử dụng chất liệu hợp lý, phối hợp chất liệu và phối màu trang trí.
 - Hoàn thiện kỹ năng thiết kế và mô hình.
- + Mục tiêu khác:
 - Vận hành và lưu giữ máy móc sử dụng.

[DE19017] Thiết kế đồ chơi ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

+ Mô tả môn học:

- Thiết kế đồ chơi là môn học dạng đồ án nhằm cung cấp kiến thức tổng quan về các sản phẩm đồ chơi dành cho trẻ em ở mọi lứa tuổi. Sinh viên được tìm hiểu và tiếp xúc với một dạng đối tượng đặc biệt từ tâm sinh lý, ergonomic. Từ đó phân tích được nhu cầu và phương pháp giáo dục cho từng độ tuổi của đối tượng đó. Cuối cùng, sinh viên đưa ra được những giải pháp thiết kế một sản phẩm đồ chơi, sao cho đạt được những tiêu chí đặt ra trong môn học cũng như thực tiễn xã hội.

+ Mục tiêu của môn học:

- Sinh viên biết vận dụng kiến thức môn học từ khái niệm, lịch sử, chức năng, loại hình, ngôn ngữ cho đến phương pháp luận thiết kế đồ chơi theo từng thể loại.
- Sinh viên phân tích được tâm sinh lý, ergonomic theo từng độ tuổi phát triển của đối tượng. Bên cạnh đó, phân tích được nguyên tắc sáng tạo về mặt không gian giao tiếp và nhu cầu sử dụng sản phẩm của đối tượng sử dụng, đó chính là cơ sở lý luận cho việc thiết kế.

[DE19018] Thực hành thiết bị ----- Tín chỉ: 2[0.2.3]

+ Mô tả môn học:

- Là môn học thực hành dành cho sinh viên Thiết kế sản phẩm tại nhà thực hành.
- Môn học này hướng dẫn cho sinh viên hệ thống và quy trình làm việc và thực hành tại nhà thực hành của bộ môn.
- Nhà thực hành cung cấp tất các máy móc: Máy cưa, cắt, uốn, máy cắt CNC, lò nung gốm, máy sơn, thiết bị chế tác chi tiết, ... để từ đây, sinh viên có thể thực hiện các sản phẩm của mình thiết kế thành sản phẩm thật.
- Sinh viên hiểu rõ quy trình thực hiện sản phẩm theo dây chuyền thực tế.

+ Mục tiêu môn học:

- Sinh viên được thực hành chi tiết trên các chất liệu khác nhau (chất liệu silicon, giấy, nhựa, vải, da, gỗ, cát, ...) bằng máy móc tại nhà thực hành.
- Sinh viên vận dụng kỹ năng tạo ra sản phẩm hoặc chi tiết để ứng dụng trong các đồ án.
- Sinh viên sử dụng quản lý được các khâu từ khi tiếp nhận vật liệu đến hoàn thành sản phẩm.
- Bước đầu trong việc thực hành sản xuất theo quy trình.

[DE19019] Thực hành Thiết kế sản phẩm Gốm Sứ ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

+ Mô tả môn học:

- Môn học Đồ án thiết kế sản phẩm gốm sứ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về lịch sử phát triển của đồ gốm và giới thiệu một số dòng gốm tiêu biểu trên thế giới. Môn học cũng trình bày khái quát về lịch sử phát triển nghệ thuật gốm sứ Việt Nam, cũng như thực trạng làng nghề và doanh nghiệp gốm ở Việt Nam trong thời điểm hiện tại.
- Thiết kế Gốm sứ là môn học dạng đồ án nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng tổng quan về các sản phẩm làm bằng chất liệu gốm sứ như: ly tách, chén bát, vật dụng trang trí gia đình, sản phẩm trang trí nội ngoại thất, ... Sinh viên được tìm hiểu và tiếp xúc với kỹ thuật chế tác, tạo hình bằng đất sét, kỹ thuật phủ men và cuối cùng là nung thành phẩm thật.
- Đặc biệt, môn học cung cấp kiến thức về những phương pháp kỹ thuật và vật liệu trong quá trình thi công, chế tác sản phẩm gốm sứ. Đây là những kiến thức nền

tăng để sinh viên có thể vừa thiết kế, vừa là người trực tiếp chế tác nên sản phẩm của mình.

- + Mục tiêu của môn học:
 - Sinh viên có kiến thức sơ lược về lịch sử hình thành và phát triển của đồ gốm.
 - Sinh viên có thể nhận diện và nêu lên những đặc trưng của những dòng gốm tiêu biểu trên thế giới.
 - Sinh viên có khả năng phân biệt sự khác nhau giữa sản phẩm đất nung, sành, sứ.
 - Sinh viên có kiến thức về kỹ thuật thi công để tạo nên một sản phẩm gốm sứ.
 - Sinh viên có khả năng thao tác, thực hành trực tiếp để chế tác nên một sản phẩm gốm sứ.
 - Sinh viên có kiến thức về những trào lưu, xu hướng thiết kế của trang sức trong lịch sử.
 - Sinh viên có kiến thức cơ bản về những vật liệu, kỹ thuật cơ bản trong thiết kế và chế tác trang sức.
 - Sinh viên tìm tòi, thử nghiệm, sáng tạo để tạo nên những mô típ, hiệu ứng mới lạ trên bề mặt của sản phẩm.
 - Sinh viên sáng tạo nên những mẫu thiết kế đáp ứng tốt công năng, ngôn ngữ thiết kế mới lạ, đạt độ hoàn thiện, có giá trị thẩm mỹ cao.

[DE13025] Đồ án liên ngành tự chọn----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Mô tả môn học:
 - Là đồ án mở rộng, cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng liên ngành trong ngành công nghiệp thiết kế sản phẩm như: đồ họa, trang trí nội thất, thiết kế phụ trang trong thời trang, ... Từ đó, tạo cho người học góc nhìn rộng hơn về công việc của mình.
 - Môn học giải quyết được các vấn đề liên quan trong các khâu thiết kế sản phẩm, từ đó tăng kỹ năng thiết kế và thẩm mỹ cá nhân.
- + Mục tiêu của môn học:
 - Sinh viên được học kiến thức liên ngành.
 - Sinh viên hiểu được các yếu tố cốt lõi của các kiến thức liên ngành liên quan phục vụ cho mục tiêu kỹ năng và thẩm mỹ cá nhân sau này.

[DE13026] Đồ án Thiết kế Furniture ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Mô tả môn học:
 - Đồ án Furniture cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên biệt về Furniture bao gồm: cách phân loại, tên gọi, và các yếu tố tác động trực tiếp đến thiết kế Furniture như các yếu tố nhân trắc học, công thái học, vật liệu, kỹ thuật, ...
- + Mục tiêu môn học:
 - Sinh viên biết vận dụng kiến thức môn học từ khái niệm, lịch sử, chức năng, loại hình, ngôn ngữ cho đến phương pháp luận thiết kế tạo dáng sản phẩm theo từng thể loại.
 - Ngoài công năng, thẩm mỹ và các yếu tố tác động trực tiếp của sản phẩm đối với người tiêu dùng thì sinh viên còn bao quát được không gian sử dụng sản phẩm đó.
 - Sinh viên được thực hiện tiến trình thiết kế một sản phẩm Furniture từ phương pháp đặt vấn đề, tiếp cận nghiên cứu và giải quyết vấn đề ở mức độ trên bản vẽ sketch – phác thảo, đưa ra giải pháp ý tưởng 3D, sau đó tiến hành lên mô hình sản phẩm với tỷ lệ 1:1.

[DE13024] Mô hình nhân vật----- Tín chỉ: 2[0.2.3]

- + Mô tả môn học:
 - Là môn học cao nhất, khó nhất cho sinh viên Thiết kế sản phẩm trong lĩnh vực thực hiện mô hình thiết kế.
 - Đây là môn học cung cấp đầy đủ nhất cho sinh viên kỹ năng thực hiện mô hình, búp bê, nhân vật hoạt hình, ... trên chất liệu thật.
- + Mục tiêu môn học:
 - Sinh viên được hoàn thiện kỹ năng thực hành chi tiết trên các chất liệu khác nhau (chất liệu silicon, giấy, nhựa, vải, da, gỗ, cát, ...) cho nhân vật của mình.
 - Sinh viên vận dụng kỹ năng tạo chi tiết để ứng dụng trong các đồ án.
 - Sinh viên vận dụng kỹ năng tạo chi tiết để ứng dụng trong phim trường, cho game, và cho các mẫu thử nghiệm sản phẩm.
 - Sinh viên sử dụng quản lý được các khâu từ tạo hình cho đến sơn phủ.
 - Sinh viên ứng dụng các khớp chuyển động cho nhân vật phục vụ quảng cáo.
 - Sinh viên làm được minh họa thật cho các phim hoạt hình.

[DE13029] Đồ án tổng hợp_TK Sản phẩm ----- Tín chỉ: 3[1.2.5]

- + Mô tả môn học:
 - Cung cấp kiến thức tổng hợp của chuyên ngành cho sinh viên về nghiên cứu lý thuyết, công nghệ, thiết kế, sản xuất một sản phẩm. Là tiền đề cho sinh viên khai thác đề tài chuẩn bị cho Đồ án Tốt nghiệp.
- + Mục tiêu của môn học:
 - Giúp người học tổng hợp kiến thức đã học để tìm ra được thế mạnh của bản thân, từ đó lựa chọn sản phẩm phù hợp để phát triển sâu hơn. Bên cạnh đó người học phải hoàn thành học phần bằng sản phẩm thiết kế đã chọn bằng mô hình thật dựa trên quy trình thiết kế và sản xuất thực tế.

[DE13027] Đồ án tự chọn_TK Sản phẩm ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Sinh viên chọn một trong những môn học sau:
 - [DE13030] Đồ án Thiết kế giày dép ----- 2[1.1.3]
 - [DE13031] Đồ án Thiết kế phương tiện giao thông ----- 2[1.1.3]
 - [DE13032] Đồ án Phụ trang ----- 2[1.1.3]

[DE13028] Thực hành TK sản phẩm thủ công truyền thống ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Mô tả môn học:
 - Cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng khai thác nguồn tài nguyên địa phương, ứng dụng kỹ thuật và nghệ thuật vào sản xuất sản phẩm tại địa phương. Từ đó, tạo cho người học một góc nhìn mới về giá trị truyền thống các làng nghề, nghệ nhân, và sản phẩm địa phương độc đáo.
- + Mục tiêu của môn học:
 - Sinh viên biết vận dụng kiến thức môn học từ khái niệm, lịch sử, chức năng, loại hình, ngôn ngữ cho đến phương pháp luận vào việc ứng dụng và sáng tạo dựa trên nguồn nguyên liệu và nhân lực địa phương để đưa vào thiết kế mới.
 - Sinh viên phân tích được nhu cầu sử dụng và khả năng cung cấp. Bên cạnh đó, phân tích được tiềm năng kinh tế và văn hoá của sản phẩm truyền thống trong thời đại công nghệ số.

Chuyên ngành Thiết kế thời trang

[DE29003] Kỹ thuật cắt may 1 ----- Tín chỉ: 3[1.2.4]

- + Là môn học có trọng tâm là thực hành, rèn luyện kỹ năng. Môn học nhằm hướng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách lấy số đo, dụng cụ trong may mặc, phương pháp thiết kế rập, công nghệ may, ... Giúp sinh viên nắm vững và vận dụng tốt các kỹ thuật cơ bản trong cắt may thời trang nhằm hướng tới mỗi sinh viên đều có thể tự thực hiện các sản phẩm thiết kế thời trang của mình. Môn học là nền tảng vững chắc trong việc thiết kế, ứng dụng trong các đồ án thực tế của những học kỳ sau.

[DE29008] Kỹ thuật cắt may 2 ----- Tín chỉ: 3[1.2.5]

- + Kỹ thuật cắt may 2 là môn học có trọng tâm là thực hành, rèn luyện kỹ năng. Môn học nhằm hướng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách lấy số đo, dụng cụ trong may mặc, phương pháp thiết kế rập, công nghệ may,...Giúp sinh viên nắm vững và vận dụng tốt các kỹ thuật cơ bản trong cắt may thời trang nhằm hướng tới mỗi sinh viên đều có thể tự thực hiện các sản phẩm thiết kế thời trang của mình.

[DE29012] Đồ án Thiết kế trang phục trẻ em ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Môn học giúp sinh viên nắm vững kỹ năng phân tích đối tượng trẻ em theo các nhóm tuổi khác nhau và xu hướng thời trang đương đại để từ đó kết hợp với ý tưởng của từng sinh viên và cho ra đời một bộ sưu tập thời trang trẻ em vừa đáp ứng được nhu cầu xã hội, vừa có tính thẩm mỹ và tính sáng tạo cao.

[DE29013] Đồ án TK trang phục cho dáng người đặc biệt----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp làm việc có kế hoạch cụ thể trên cơ sở thực tế, phương pháp nghiên cứu đối tượng khách hàng, tìm tòi giải pháp thiết kế trang phục cho những người có dáng đặc biệt. Đồ án này còn giúp sinh viên nắm vững kỹ năng phân tích đặc điểm hình thể của đối tượng khách hàng, phân tích xu hướng thời trang đương đại để từ đó vận dụng yếu tố nguyên lý thị giác kết hợp với ý tưởng, xu hướng cho ra đời một bộ sưu tập trang phục nhằm tôn lên những ưu điểm, hạn chế những khuyết điểm của đối tượng sử dụng.

[DE29014] Đồ án Thiết kế trang phục công sở ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp làm việc có kế hoạch cụ thể như thực tế yêu cầu, phương pháp nghiên cứu đối tượng khách hàng, tìm tòi giải pháp thiết kế trang phục công sở, đồng phục, ...

[DE29015] Đồ án Thiết kế trang phục nội y----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về các phong cách thời trang nội y, kết cấu, chất liệu, phương pháp sáng tạo trang phục nội y ứng dụng và thể hiện ý tưởng. Đồng thời, môn học còn góp phần củng cố kiến thức cho sinh viên về kỹ thuật dựng hình thời trang và xử lý chất liệu. Từ đó, hỗ trợ sinh viên thực hiện hoàn chỉnh một bộ sưu tập nội y.

[DE29016] Nghệ thuật trang điểm ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Nghệ thuật trang điểm: điểm là một chuyên đề nghiên cứu của chuyên ngành thiết kế thời trang. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức chung, những kỹ năng cơ bản, khả năng tư duy sáng tạo để thể hiện cụ thể các tác phẩm dựa trên nghiên cứu riêng của mỗi sinh viên. Ngoài ra, việc nghiên cứu chuyên đề còn giúp hình thành cho sinh viên kỹ năng trang điểm với các phong cách đa dạng trong lĩnh vực thời trang, giúp sinh viên kết hợp các phong cách trang điểm phù hợp với các ý tưởng thiết kế trang phục. Trang điểm đóng vai trò quan trọng trong việc làm tôn thêm vẻ đẹp và ý nghĩa truyền đạt ý tưởng của nhà thiết kế.

[DE23018] Đồ án Thiết kế trang phục lễ hội ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp làm việc có kế hoạch cụ thể như thực tế yêu cầu, phương pháp nghiên cứu đối tượng khách hàng, tìm tòi giải pháp thiết kế trang phục ứng dụng trong các dịp lễ, hội, carnival, ... Giúp sinh viên nắm vững và vận dụng tốt các yếu tố cơ bản trong thiết kế thời trang, các phương pháp nghiên cứu, thảo luận, sưu tầm tư liệu, ... Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên nắm vững kỹ năng nghiên cứu, phân tích các dạng trang phục của các nền văn hóa khác nhau, kết hợp với việc phân tích xu hướng thời trang đương đại để ứng dụng vào việc thiết kế trang phục lễ hội đặc trưng của từng nền văn hóa.

[DE23019] Đồ án Thiết kế trang phục thể thao ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Môn học nhằm hướng trang bị cho sinh viên những kiến thức về thiết kế trang phục thể thao và trang phục dạo phố mang phong cách thể thao, phương pháp làm việc có kế hoạch cụ thể như thực tế yêu cầu, phương pháp nghiên cứu đối tượng khách hàng, tìm tòi giải pháp thiết kế trang phục thể thao.

[DE23021] Đồ án tổng hợp_TK Thời trang ----- Tín chỉ: 3[1.2.5]

- + Đây là đồ án mang tính tổng hợp ,khái quát lại tất cả các bước cần thiết của một qui trình thiết kế trong đó tập trung nhiều vào nghiên cứu nhằm đưa sinh viên tiếp cận gần với thực tế thị trường thời trang một cách gần gũi và tổng quan hơn. Bên cạnh đó đồ án này sẽ phần nào tạo ra một bước đệm để sinh viên tiếp cận gần hơn với qui trình công việc của nhà thiết kế trên thực tế.

[DE23022] Đồ án tự chọn_TK Thời trang ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Sinh viên chọn một trong những môn học sau:
 - [DE23024] Đồ án Thiết kế trang phục trình diễn ấn tượng----- 2[1.1.3]
 - [DE23025] Tham gia thi thiết kế thời trang----- 2[1.1.3]
 - [DE23026] Thiết kế phụ kiện ----- 2[1.1.3]

[DE23023] Lịch sử thời trang----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

- + Lịch sử thời trang là môn học cung cấp kiến thức chuyên môn về lịch sử, quá trình hình thành và phát triển của trang phục. Thông qua đó người học sẽ nắm rõ các sự kiện lịch sử có liên quan tới trang phục và nhận thức ra ý nghĩa của các thể loại trang phục mang tính biểu trưng. Môn học còn cung cấp kiến thức quan trọng về sự hình thành của ngành công nghiệp Thời Trang (fashion industry) cùng với sự ra đời và phát triển của các xu hướng (trends) và phong cách thời trang (styles) theo các giai đoạn lịch sử mang tính cột mốc. Đây là những kiến thức đóng vai trò nền tảng trong việc hình thành tư duy và phong cách thiết kế cho người học sau này.

Chuyên ngành Thiết kế đồ họa

[DE39012] Đồ án Chữ và tín hiệu----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Đồ án đồ họa chữ và tín hiệu là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức dựa trên nền tảng bộ môn nghệ thuật chữ căn bản, đồ án chữ nhằm hướng dẫn sinh viên thực hiện những nghiên cứu sâu về tính ứng dụng của chữ trong thiết kế đồ họa và giúp sinh viên khám phá Typography như một hình ảnh. Bằng những bài tập mang tính khơi gợi cảm xúc phát triển thế giới quan của mỗi sinh viên, giảng viên sẽ định hướng cho sinh viên thực hiện đồ án dựa trên năng lực và niềm yêu thích đối với bộ môn này.

[DE39013] Đồ án Đồ họa hệ thống ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Đồ án đồ họa hệ thống là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương hiệu và thiết kế nhận dạng thương hiệu của một công ty, sản phẩm hay dịch vụ, bao gồm logo và bộ ứng dụng văn phòng. Thông qua đồ án sinh viên được tìm tòi và

trải nghiệm, rèn luyện năng lực tư duy, quan sát, khái quát, cách điệu, ước lệ hình ảnh. Sinh viên được khuyến khích tự do bày tỏ quan điểm, cảm xúc, và niềm yêu thích của mình về một lĩnh vực đề tài và cùng với giáo viên hướng dẫn định hướng phát triển hoàn thiện đồ án.

[DE39016] Đồ án Minh họa----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Đồ án minh họa là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về lịch sử của ngành Illustration. Những hiểu biết cần thiết trong quy trình sáng tác, minh họa. Rèn luyện tư duy và cái nhìn tổng quan trước khi bắt đầu công việc minh họa một sản phẩm, câu chuyện. Phát triển kỹ năng vẽ sketch, tạo lập câu chuyện, nắm bắt hình ảnh khái quát. Cập nhật các xu hướng và ứng dụng của ngành Illustration với nhu cầu xã hội, làm sao để trở thành một Illustrator chuyên nghiệp.

[DE39017] Đồ án Quảng cáo ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Đồ án quảng cáo là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và phương pháp thiết kế ứng dụng trong quảng cáo. Thông qua môn học sinh viên nắm rõ những khái niệm và chức năng của từng sản phẩm thiết kế nhằm mục đích hỗ trợ bán hàng trong một chiến dịch quảng cáo như poster, print ads, billboard, wobblers, leaflet, standee, banner, bandrole, hanging, ...

[DE33019] Đồ án Bao bì ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Đồ án bao bì là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bao bì. Sinh viên thực hiện các bài tập dựa trên cơ sở bài giảng về các loại bao bì, thể loại hộp đựng, ... theo kiểu dáng hiện đại, đi cùng nhãn mác của bao bì và phần thể tích của bao đựng. Sinh viên phải thể hiện đầy đủ thông tin về hình ảnh, nội dung mà các loại bao bì phải có. Các bài thực tập có kích thước như thật, thành phẩm hoàn toàn như thật, ...

[DE33020] Đồ án Dàn trang ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Đồ án dàn trang là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về headline, subheadline, intro, description, bodytext, quote, header & footer. Nhấn mạnh yêu cầu về bố cục, màu sắc, hình ảnh, guideline, font chữ. Hướng dẫn những tạp chí đạt chuẩn, mang tính thẩm mỹ cao qua các tạp chí. Về quy trình hình thành một tờ báo, tạp chí. Các kiến thức căn bản về biên tập nội dung, hình ảnh, cách sắp xếp và trình bày mangset của một tạp chí và các nội dung bên trong, ...

[DE33022] Đồ án tổng hợp_TK Đồ họa ----- Tín chỉ: 3[1.2.5]

- + Đồ án tổng hợp là đồ án cuối cùng trong hệ thống các Đồ án chuyên ngành của sinh viên ngành thiết kế Đồ họa. Ở đồ án này là dịp để sinh viên ôn luyện và thực hành lại tất cả các kiến thức, kỹ năng đã học trong các đồ án trước đó. Sinh viên bắt buộc phải là Hệ Đại học hoặc Liên thông, phải học qua các kỹ năng ở các đồ án trước như đồ án Chữ tín hiệu, Hệ thống, Poster, Minh họa, Bao bì, Dàn trang, ... Giới hạn lĩnh vực đề tài của Sinh viên chọn trong nhóm đề tài về Thương hiệu hoặc Sự kiện.

[DE33023] Đồ án tự chọn_TK Đồ họa ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Sinh viên chọn một trong những môn học sau:
 - [DE33025] Đồ án Tổ chức sự kiện-----2[1.1.3]
 - [DE33026] Đồ án Thiết kế web-----2[1.1.3]
 - [DE33027] Đồ án Quảng cáo tương tác -----2[1.1.3]

[DE33024] Kỹ thuật tranh khắc trong thiết kế đồ họa----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Kỹ thuật tranh khắc trong thiết kế đồ họa là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đồ họa truyền thống tranh khắc, Tìm hiểu các thể loại tranh khắc trên thế giới và Việt Nam như tranh Đông Hồ, Hàng Trống, Làng Sình, ... Sinh viên làm quen với kỹ thuật khắc, in thủ công và ứng dụng những kiến thức đã học để sáng tác ra những bộ tranh đa dạng, chủ đề phong phú.

Chuyên ngành Thiết kế nội thất

[DE49006] Vật liệu nội thất ----- Tín chỉ: 3[2.1.5]

- + Mục đích môn học: Tìm hiểu về đặc trưng tính chất, phương pháp chế tác và ứng dụng của các vật liệu nội thất.
- + Nội dung tóm tắt: Lý thuyết về tính chất, phương pháp chế tác và ứng dụng của vật liệu nội thất. Các thông tin về giá cả, thi công của vật liệu trên thị trường thực tế. Bài tập nhỏ ứng dụng vật liệu. Tiểu luận nghiên cứu về một vật liệu và ứng dụng.
- + Cách đánh giá kết quả: Bài tập ứng dụng vật liệu (bài tập cá nhân) điểm 30%. Tiểu luận nghiên cứu về một vật liệu và ứng dụng (cá nhân hay nhóm tùy theo quy mô đề tài) điểm 70%. Không có bài thi học kỳ.

[DE49010] Cấu tạo nội thất ----- Tín chỉ: 3[2.1.5]

- + Mục đích môn học: Các kiến thức về cấu tạo các thành phần cấu thành không gian nội thất. Các Kỹ năng thiết kế kỹ thuật và hoàn chỉnh trọn bộ hồ sơ thiết kế của một công trình nội thất bất kỳ.
- + Nội dung tóm tắt: Các kiến thức về cấu tạo không gian kiến trúc, nội thất và đồ đạc (sàn, tường, trần, cửa đi, cửa sổ, cầu thang, tang thiết bị và đồ đạc nội thất, ...), quy ước về ký hiệu trên bản vẽ, kỹ năng thể hiện bản vẽ cấu tạo nội thất hoàn chỉnh (bản vẽ thi công). Thực hành hệ thống bài tập nhỏ và một bài tập nhỏ + tham quan xưởng chế tác đồ gỗ.
- + Cách đánh giá kết quả: Bài tập nhỏ 40%, Bài tập nhỏ 60%. Không có bài kiểm tra cuối học kỳ.

[DE49011] Đồ án Ngoại thất sân vườn công viên ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế hoàn chỉnh và hiệu quả ngoại thất của các công trình sân vườn, công viên, hoàn thiện kỹ năng thể hiện ý tưởng thiết kế bằng mô hình.
- + Nội dung tóm tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của công trình sân vườn công viên. Sự tương đồng và khác biệt trong phong cách thiết kế cảnh quan giữa phương Đông và phương Tây, sơ lược các kỹ năng thực hiện mô hình ngoại thất. Sinh viên thiết kế và thể hiện ý tưởng thiết kế bằng mô hình và bản vẽ phụ trợ.

[DE49012] Đồ án Nội thất công trình nhà ở ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế hoàn chỉnh và hiệu quả nội thất các công trình nhà ở.
- + Nội dung tóm tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của công trình nhà ở, lịch sử phát triển của các phong cách thiết kế nội thất nhà ở và xu hướng thiết kế gần nhất. Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ thiết kế một không gian nội thất nhà ở cụ thể.

[DE49014] Đồ án Nội thất công trình Trưng bày – Thương mại ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế hoàn chỉnh và hiệu quả nội thất các công trình trưng bày.

- + Nội dung tóm tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của công trình nội thất trưng bày, lịch sử phát triển của các phong cách thiết kế nội thất trưng bày và xu hướng thiết kế gần nhất. Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ thiết kế một không gian nội thất trưng bày cụ thể.

[DE49015] Đồ án Nội thất công trình văn phòng----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế hoàn chỉnh và hiệu quả nội thất các công trình văn phòng công sở.
- + Nội dung tóm tắt:
 - Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của công trình nội thất văn phòng công sở, lịch sử phát triển của các phong cách thiết kế nội thất văn phòng công sở và xu hướng thiết kế gần nhất.
 - Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ thiết kế một không gian nội thất văn phòng cụ thể.

[DE49016] Nghệ thuật chiếu sáng ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Thiết kế chiếu sáng nội thất là một phần trong lĩnh vực nghiên cứu về chiếu sáng của kiến trúc và kỹ thuật công trình. Mục tiêu môn học là đảm bảo cho công trình nội ngoại thất được chiếu sáng theo 3 tiêu chí:
 - Vừa đảm bảo công năng chiếu sáng phù hợp loại công trình và mục đích sử dụng.
 - Vừa thỏa mãn tính thẩm mỹ, ý đồ thiết kế.
 - Vừa tiết kiệm về năng lượng và chi phí sử dụng.
- + Môn học đặc biệt nhấn mạnh vào tiêu chí thứ hai: mối quan hệ các thành phần trong chiếu sáng nội ngoại thất, cách sử dụng kết hợp các thành phần đó để tạo ra hiệu quả về thị giác, tâm lý khác nhau. Từ đó trang bị cho sinh viên có kiến thức và ý thức sử dụng ánh sáng như một thành phần trong thiết kế.

[DE43019] Đồ án Nội thất công trình dịch vụ giải trí----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế hoàn chỉnh và hiệu quả nội thất các công trình dịch vụ giải trí.
- + Nội dung tóm tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của công trình nội thất dịch vụ giải trí, lịch sử phát triển của các phong cách thiết kế nội thất dịch vụ giải trí và xu hướng thiết kế gần nhất. Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm.

[DE43020] Đồ án Nội thất công trình văn hóa giáo dục ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế hoàn chỉnh và hiệu quả nội thất các công trình văn hóa giáo dục.
- + Nội dung tóm tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của công trình nội thất văn hóa giáo dục, lịch sử phát triển của các phong cách thiết kế nội thất văn hóa giáo dục và xu hướng thiết kế gần nhất. Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm.

[DE43023] Đồ án tổng hợp_TK Nội thất ----- Tín chỉ: 3[1.2.5]

- + Mục đích môn học: Sinh viên hoàn thành đồ án này sẽ chứng minh được khả năng tự đặt ra vấn đề liên quan đến ngành nghề và giải quyết vấn đề sao cho hiệu quả theo cách riêng của mình. Giảng viên khuyến khích sinh viên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn đề tài đề từ đồ án nghiên cứu chuyên đề, làm tư liệu phục vụ cho đồ án tốt nghiệp.

- + Nội dung tóm tắt: Sinh viên tự chọn đề tài và nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên viết tóm tắt nội dung đề tài và nội dung ứng dụng thực tiễn đề tài, thuyết trình trước hội đồng phân biện. Sinh viên thiết kế ứng dụng vào công trình cụ thể, trình bày trên các bản vẽ khổ A1.

[DE43024] Đồ án tự chọn_TK Nội thất----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Sinh viên chọn một trong những môn học sau:
 - [DE43025] Đồ án Sản phẩm tái chế----- 2[1.1.3]
 - [DE43026] Đồ án Tổ chức sự kiện----- 2[1.1.3]
 - [DE43027] Đồ án thiết kế Furniture (sản phẩm nội thất)----- 2[1.1.3]

[6] Nhóm môn Bài thi tốt nghiệp

[GS79004] Lý luận chính trị cuối khóa ----- Tín chỉ: 0[1.1.4]

- + Sự ra đời của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Những giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa Xã hội
 - Từ chủ nghĩa xã hội không tưởng đến Chủ nghĩa Xã hội khoa học.
 - Từ Chủ nghĩa Xã hội khoa học đến Chủ nghĩa Xã hội hiện thực (1917).
 - Chủ nghĩa Xã hội hiện nay.
- + Phạm trù vật chất, phạm trù ý thức, mối quan hệ giữa vật chất/ý thức. Đảng ta vận dụng luận điểm trên trong quá trình đổi mới nền kinh tế đất nước ta, trong thời kỳ quá độ.
- + Quá trình hình thành ý thức, nguồn gốc, bản chất và các yếu tố cơ bản tham gia vào quá trình hình thành ý thức.
- + Cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.
 - Vì sao quan hệ sản xuất là nhân tố quyết định của cơ sở hạ tầng.
 - Những yếu tố của kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng. Vai trò của văn hóa, luật pháp, đạo đức của nhà nước thể hiện như thế nào?
 - Xây dựng chính phủ kiến tạo, quốc gia khởi nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 12 của Đại hội Đảng.
- + Sản xuất hàng hóa là gì? Điều kiện ra đời đặc trưng và ưu thế, hạn chế của sản xuất hàng hóa. Xác định thành phần kinh tế ở nước ta trong giai đoạn đổi mới.
- + Hàng hóa là gì? Hai thuộc tính của hàng hóa. Tại sao nói giá trị sử dụng và giá trị là hai mặt đối lập của sự thống nhất trong một hàng hóa.
- + Hàng hóa sức lao động là gì? Quá trình sản xuất giá trị thặng dư, tuần hoàn và chu chuyển.
- + Vì sao Đảng ta chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa. (Nắm vững nguyên tắc và kiên trì định hướng lên CNXH)
- + Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân: Khái niệm đặc trưng, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:
 - Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam đối với dân tộc từ khi có Đảng lãnh đạo.
- + Vấn đề dân tộc của Chủ nghĩa Mác - Lênin, và sự vận dụng của Đảng ta để xây dựng chính sách dân tộc trong thời quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội.
- + Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa. Đảng ta chủ trương xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.
- + Quan điểm của Hồ Chí Minh về đạo đức. Sự vận dụng của Đảng ta trong việc xây dựng nền đạo đức trong thời đại Hồ Chí Minh.

[ME03151] Thực tập tốt nghiệp----- Tín chỉ: 2[0.2.2]

- + Thực tập tốt nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên được làm quen với môi trường làm việc thực tế, ứng dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể tại một doanh nghiệp để

khi ra trường có được một nền tảng kinh nghiệm nhất định. Đồng thời giúp cho sinh viên tiếp xúc trực tiếp với các doanh nghiệp, cơ sở thuộc chuyên môn để từ đó có được hướng lựa chọn nơi làm việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

- + Bên cạnh đó, Thực tập Tốt nghiệp được triển khai với mục đích khảo sát và lấy số liệu, dữ kiện từ thực tiễn nhằm hỗ trợ cho phần nghiên cứu của Đồ án tốt nghiệp.

[ME03153] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp----- Tín chỉ: 5[0.5.5]

- + Mục đích môn học: Sinh viên hoàn thành đồ án này sẽ chứng minh được khả năng tự đặt ra vấn đề liên quan đến ngành nghề và giải quyết vấn đề sao cho hiệu quả theo cách riêng của mình. Sinh viên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn một trong những hướng phát triển từ đồ án nghiên cứu, đồ án tổng hợp và nghiên cứu chuyên đề từ đó thể hiện kiến thức tổng hợp, kỹ năng chuyên ngành và thái độ nghề nghiệp cho bài đồ án cuối cùng trước khi tốt nghiệp ra trường đủ chất lượng chuyên môn đáp ứng nhu cầu xã hội.
- + Nội dung tóm tắt: Sinh viên tự chọn đề tài nghiên cứu thông qua đề cương tốt nghiệp sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên tự thực hiện đồ án tốt nghiệp cùng với sự hướng dẫn của giảng viên và khuyến khích sinh viên lựa chọn những đề tài gắn với thực tiễn xã hội. Sinh viên nộp bản in phần thuyết minh đề tài và bản vẽ thiết kế, ảnh, mô hình hoặc sản phẩm mẫu.

[7] **Nhóm môn học tự chọn:**

14. **Chương trình đào tạo được biên soạn và cập nhật:** ----- Tháng 05/2017

15. **Chương trình đào tạo được thẩm định và thông qua:** ----- Tháng 11/năm 2017

16. **Chương trình đào tạo được áp dụng từ:** ----- Năm học 2017 – 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2017

Trưởng Khoa chuyên môn

Hiệu trưởng

TS. Đỗ Linh Hùng Quý



PGS.TS. Cao Hào Thi